

Số: 497/TTr-HĐQT

TP.HCM, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH**Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (gọi tắt là “Điều lệ Công ty”); Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn như sau:

I. Cơ sở và căn cứ sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đang áp dụng hiện nay được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại kỳ họp thường niên ngày 28/3/2024.

Căn cứ Điều 144, Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Theo đó, Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Hiện Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (Cảng Sài Gòn) chưa quy định cụ thể, chi tiết về nội dung và hình thức họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác để làm cơ sở triển khai theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Ngoài ra, thực hiện rà soát các nội dung khác không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại đơn vị để điều chỉnh đảm bảo hoạt động hiệu quả của doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật.

II. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Phụ lục 1 đính kèm:

- Dự thảo Điều lệ Công ty hoàn chỉnh.

2. Phụ lục 2 đính kèm:

- Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoàn chỉnh.

3. Phụ lục 3 đính kèm:

- Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty hoàn chỉnh.

III. Đề xuất:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Cảng Sài Gòn thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn theo Phụ lục 1 kèm theo.
2. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn theo Phụ lục 2 kèm theo.
3. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn theo Phụ lục 3 kèm theo.
4. Giao Hội đồng quản trị Cảng Sài Gòn triển khai thực hiện nội dung nêu trên phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định hiện hành có liên quan.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cổ đông CSG;
- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Đăng website CSG;
- Lưu: VT, NPTQTCT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Cường

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN
(Đính kèm tờ trình số 494/TTr-HĐQT ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty	8
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..	9
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty	9
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	13
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU.....	13
Điều 7. Vốn điều lệ	13
Điều 8. Cổ phần.....	14
Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác và sổ đăng ký cổ đông.....	14
Điều 10. Chào bán cổ phần	15
Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	15
Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	16
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần.....	16
Điều 14. Trả cổ tức.....	17
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	17
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	17
Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	17
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18
Điều 16. Quyền của cổ đông	18
Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông	20
Điều 18. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	21
Điều 19. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	21

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Thay đổi các quyền.....	25
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 27. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	32
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	34
Điều 36. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị	37
Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị và việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	38
Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị	40
Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 41. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	41
Điều 42. Người phụ trách quản trị Công ty.....	41
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	42
Điều 43. Tổ chức bộ máy điều hành	42
Điều 44. Người điều hành Công ty	42
Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	42
Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	44
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT	45
Điều 47. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	45
Điều 48. Thành phần Ban kiểm soát	46
Điều 49. Trưởng Ban kiểm soát	46
Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	47

Điều 51. Cuộc họp của Ban kiểm soát	49
Điều 52. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	49
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	49
Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý Công ty	49
Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	50
Điều 55. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý Công ty và người có liên quan của các đối tượng này.....	51
Điều 56. Công khai các lợi ích liên quan	52
Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	53
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	53
Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	53
MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	54
Điều 59. Công nhân viên và công đoàn	54
CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC.....	54
Điều 60. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.....	54
Điều 61. Quan hệ giữa Công ty với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.....	54
Điều 62. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.....	55
CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY	55
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	55
Điều 63. Phân phối lợi nhuận.....	55
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN....	55
Điều 64. Tài khoản ngân hàng	55
Điều 65. Năm tài chính	56
Điều 66. Chế độ kế toán.....	56
MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	56
Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	56
Điều 68. Báo cáo thường niên.....	56
Điều 69. Công khai thông tin	56
MỤC 4: KIỂM TOÁN	57
Điều 70. Kiểm toán	57
MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY	57
Điều 71. Dấu của Công ty	57
MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY	57

Điều 72. Giải thể Công ty.....	57
Điều 73. Thanh lý.....	57
MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	58
Điều 74. Giải quyết tranh chấp nội bộ	58
MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	58
Điều 75. Điều lệ Công ty.....	58
MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC	59
Điều 76. Ngày hiệu lực	59

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (sau đây gọi là “Điều lệ”) được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn vào ngày tháng năm 2026.

Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (sau đây được gọi tắt là “Công ty”) được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- b) **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- c) **“Bộ luật Dân sự”** là Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- d) **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- e) **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- f) **“Vốn có quyền biểu quyết”** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- g) **“Người quản lý Công ty”** là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- h) **“Người điều hành Công ty”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- i) **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- j) **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- k) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- l) **“Cổ phần đã bán”** là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty;
- m) **“Cổ phần được quyền chào bán”** là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;
- n) **“Cổ phần chưa bán”** là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty;
- o) **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

p) **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều lệ này;

q) **“Đại hội đồng cổ đông”** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

r) **“Hội đồng quản trị”** là Hội đồng quản trị của Công ty;

s) **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Công ty;

t) **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”** là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

u) **“Ban kiểm soát”** là Ban kiểm soát của Công ty;

v) **“Tổng giám đốc”** là Tổng giám đốc của Công ty;

w) **“Kế toán trưởng”** là Kế toán trưởng Công ty;

x) **“Người có quan hệ gia đình”** là những người có mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp

y) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

z) **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản Pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**
- Tên giao dịch quốc tế : **SAIGON PORT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt tiếng Việt : **CẢNG SÀI GÒN**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **SAIGON PORT**
- Loại hình công ty : Công ty cổ phần
- Logo :



2. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành tại Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 39 402 184
- Fax : (028) 39 400 168
- E-mail : info@saigonport.vn
- Website : saigonport.vn

4. Tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty có các Chi nhánh, văn phòng đại diện. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 72 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau:

a) Người đại diện theo pháp luật thứ nhất - là Tổng giám đốc của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Người đại diện theo pháp luật thứ hai - là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty chỉ khi Người đại diện theo pháp luật thứ nhất vắng mặt tại Việt Nam mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang

bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, hạn chế việc chồng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của Công ty; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng rẽ đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với Công ty và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.

đ) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của Công ty thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty.

e) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người không đủ điều kiện làm người đại diện theo pháp luật của Công ty thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện.

3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác là Người quản lý Công ty hoặc Người điều hành Công ty và đang cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty.

5. Khi Công ty chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân là Người quản lý Công ty hoặc Người điều hành Công ty và đang cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

6. Trường hợp cả 02 người đại diện theo pháp luật không đủ điều kiện, tiêu chuẩn là người đại diện pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

d) Chấp hành và tuân thủ các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo, yêu cầu của Hội đồng quản trị khi thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Không được thực hiện các giao dịch, hợp đồng, thỏa thuận, cam kết với bất kỳ bên thứ ba vượt quá phạm vi phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị;

e) Kịp thời báo cáo xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền khi thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển	5224
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Cho thuê cơ sở hạ tầng cảng biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Đại lý tàu biển; Dịch vụ giao nhận, bảo quản, đóng gói hàng hóa; kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế; Xếp dỡ, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; kinh doanh dịch vụ logistics; Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác cảng biển (không bao gồm: Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải); Sửa chữa tàu biển tại cảng; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ vệ sinh tàu biển, cung ứng tàu biển; Quản lý, khai thác, cho thuê cầu cảng, kho bãi chứa hàng, phao neo, thiết bị xếp dỡ, phương tiện vận tải thủy bộ và các thiết bị chuyên dùng ngành hàng hải; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ trung chuyển container tại cảng biển.	5229
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

TT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu ngành hàng hải, giao thông, xây dựng, công nghiệp, cơ khí (trừ mục A.16 Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP)	
5	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp chi tiết: sản xuất thiết bị xếp dỡ	2816
6	Đóng tàu và cầu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới sà lan, ca nô, tàu kéo (trừ thiết kế phương tiện vận tải)	3011
7	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở)	5610
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu ngành hàng hải, giao thông, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, cơ khí (trừ mục A.16 Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ- CP).	4659
9	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn.	4633
10	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: sửa chữa phương tiện vận tải thủy bộ, xà lan, ca nô, tàu kéo.	3315
11	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: sản xuất thiết bị, vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	2392
12	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh khác, hàng gốm sứ, thủy, tinh.	4649
13	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
14	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải thủy bộ và các thiết bị chuyên dùng ngành hàng hải; Chế biến lương thực, thực phẩm; Chế biến than mỏ (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp)	3290
15	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp nền, mặt bằng cơ sở hạ tầng.	4312
16	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Nạo vét phao neo, cầu cảng.	4330

TT	Tên ngành	Mã ngành
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa chi tiết: Kinh doanh kho bãi cảng	5210 (Chính)
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy chi tiết: Lai dắt tàu biển; Cứu hộ hàng hải.	5222
19	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công).	7110
20	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí Chi tiết: Đóng mới ca nô (không hoạt động tại trụ sở)	3012
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản (Không bao gồm: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng. Thực hiện theo Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản)	6810
22	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến hàng nông sản (không hoạt động tại trụ sở)	1030
23	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Kinh doanh sân pickleball, sân cầu lông, sân bóng đá mini, sân tennis. Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời.	9311
24	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).	5510
25	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại, quảng cáo bất động sản.	7310
26	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
28	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán than mỏ (không hoạt động tại trụ sở).	4671
29	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ.	4662
30	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781
31	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới hàng hải.	4610

TT	Tên ngành	Mã ngành
32	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da Chi tiết: Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác.	4771
33	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Môi giới bất động sản. Định giá bất động sản. Tư vấn bất động sản. Quảng cáo bất động sản. Quản lý bất động sản.	6821
34	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	6829
35	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Thi công xây dựng hệ thống cầu, đường, thủy lợi, cấp thoát nước.	4212
36	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020
37	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh khác.	4772
38	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh.	4759
39	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác Chi tiết: sửa chữa thiết bị xếp dỡ và các thiết bị chuyên dùng ngành hàng hải.	3319
40	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại từ 12 chỗ ngồi trở xuống), xe có động cơ khác.	4790
41	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng, duy tu, sửa chữa các công trình giao thông thủy, công trình giao thông đường bộ, cầu tàu, bến bãi, nhà cửa, công trình dân dụng, công nghiệp.	4299
42	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán thiết bị, vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	4752
43	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661
44	Bán lẻ đồ uống	4723
45	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	4673

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp bổ sung ngành nghề kinh doanh trong khoảng thời gian giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác cảng của quốc gia và khu vực; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ khai thác cảng, hỗ trợ vận tải và logistics; chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển và logistics, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

b) Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty.

d) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với chính sách đãi ngộ tương xứng.

e) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là **2.162.949.610.000** đồng (*Hai nghìn một trăm sáu mươi hai tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm mười nghìn đồng*).

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND (*Bằng chữ: mười nghìn đồng*).
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành **216.294.961** (*Bằng chữ: Hai trăm mười sáu triệu hai trăm chín mươi tư nghìn chín trăm sáu mươi một*) cổ phần.
3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.
5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác và sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Sổ đăng ký cổ đông:
 - a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông và cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở của Công ty.
 - + Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại.
 - + Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

+ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

+ Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ dưới dạng văn bản giấy hoặc bằng tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

c) Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

6. Đối với cổ phiếu của Công ty đã đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác có chức năng tương đương), các thủ tục sẽ được thực hiện theo quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác có chức năng tương đương) và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán, Điều 134 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn 01 tổ chức định giá và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp, Điều 36 Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành khác.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ đông tương ứng. Các cổ phần hạn chế chuyển nhượng bao gồm: cổ phần mua ưu đãi của tổ chức công đoàn, cổ phần mua ưu đãi của người lao động theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước, cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông là người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài cho Công ty khi Công ty thực hiện cổ phần hóa và các cổ phần khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của mỗi bên ký.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính của Công ty;

c) Ngay sau khi trả hết cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này và Điều 124, 125 Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

a) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

b) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

d) Tổng giám đốc là người được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ điều hành công việc kinh doanh và các hoạt động hàng ngày của Công ty; Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo, giải trình và chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Công ty có các phòng ban, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh để tham mưu, giúp việc cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông, hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền, hoặc thực hiện bỏ phiếu điện tử, hoặc biểu quyết từ xa, hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng quy định của pháp luật và quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong trường hợp quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều này, các quy định khác tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông ít nhất là 10 ngày làm việc, thông báo này phải bằng văn bản và phải được gửi cho các cổ đông dự họp đồng thời gửi về trụ sở chính của Công ty với cùng thời hạn;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng

cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua một hoặc nhiều trong số các hình thức sau tùy theo quy định của Công ty tại từng cuộc họp:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và quyết định của người triệu tập họp phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 18. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của Công ty thực hiện theo quy định sau đây: Sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện theo ủy quyền; và sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 08 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý Công ty đối với những đối tượng cổ đông là tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Công ty. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;

- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 55 Điều lệ này;
- r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc

họp được triệu tập lại hoặc một thời điểm khác (nếu có) được người triệu tập họp quyết định khi triệu tập họp.

Điều 23. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 25, 26 và 27 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày

dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự cơ bản như sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

c) Trình tự đăng ký cổ đông dự họp được quy định cụ thể tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và được người triệu tập họp quy định phù hợp với từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Chủ tọa đại hội phải:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định hình thức họp trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tuyến và trực tiếp hoặc các hình thức khác phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy thời điểm. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp; trình tự, thủ tục lấy ý kiến và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 27 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên; sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 06 ứng cử viên; sở hữu từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 07 ứng cử viên; và sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 08 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về

quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 07 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc để bảo đảm công tác quản lý điều hành Công ty không bị gián đoạn.

4. Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bảo đảm có tối thiểu 02 thành viên độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 34 Điều lệ này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của: Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty (nếu có) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liên trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ này;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, mục tiêu hoạt động, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngân sách hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty;
- g) Quyết định đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn các dự án, mua sắm, sửa chữa duy tu, nạo vét và các khoản chi đột xuất, cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thông qua) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị quyết định đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Đối với những dự án, mua sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị phải báo cáo tại cuộc Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- h) Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 3 Điều 55 Điều lệ này; Quyết định các khoản bảo lãnh cho công ty con có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- j) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quyết định ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;
- k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;
- l) Cử người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện vốn của Công ty tham gia hoặc ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, cử người tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát hoặc cử Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- m) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- n) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc và tương đương, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương;
- o) Phê duyệt Chương trình hành động của Tổng giám đốc để thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; phê duyệt Kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm của Ban điều hành Công ty;

p) Giao nhiệm vụ và đơn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở chi trả lương, thưởng đối với Tổng giám đốc;

q) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo, bộ nhận diện thương hiệu của Công ty;

r) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty; vay, cho vay; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Quyết định việc huy động vốn, vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo thẩm quyền;

v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

w) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

x) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập (nếu có) về hoạt động của Hội đồng quản trị.

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

h) Các kế hoạch trong tương lai của Hội đồng quản trị.

Điều 36. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương, được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, lương và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao, lương, thưởng của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị theo tháng, quý, năm;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, trừ các nội dung cần phải tổ chức họp Hội đồng quản trị để thảo luận;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết, kết luận của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để chỉ đạo, xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

g) Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ này; các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị và việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc bầu Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trừ các cuộc họp nội bộ của Hội đồng quản trị. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến và/hoặc các hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về

những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp, phiếu biểu quyết của thành viên và hướng dẫn tham dự/biểu quyết tại cuộc họp (nếu có).

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Các hình thức và phương tiện khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến nội dung cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

b) Các thành viên Hội đồng quản trị xem xét biểu quyết các nội dung xin ý kiến theo thời hạn được ghi trong Phiếu lấy ý kiến và gửi lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi ý kiến biểu quyết cho bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị thông qua email, hệ thống văn phòng điện tử Công ty (PO) hoặc các hình thức trao đổi trực tuyến khác; Bản giấy của Phiếu lấy ý kiến sau đó được gửi về Công ty để phục vụ công tác lưu trữ hồ sơ theo quy định;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì lập Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị. Nội dung chủ yếu của Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị tương tự như Biên bản họp Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này;

d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị về nội dung xin ý kiến.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp và tính hợp lệ của việc biểu quyết tại cuộc họp, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Sau thời hạn này, nếu các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến thì coi như đã đồng ý với biên bản. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi dự thảo biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị để thống nhất nội dung biên bản trước khi ký.

Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Người điều hành Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 42. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông. Tham mưu, giúp việc, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị giao.

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- d) Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan của Công ty;
- i) Bảo mật thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Tổ chức bộ máy điều hành

Hệ thống quản lý của Công ty phải bảo đảm tất cả các đơn vị, cá nhân, người quản lý trong bộ máy điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và có nghĩa vụ báo cáo giải trình; thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; chịu sự kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm, dự án đầu tư, các mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và trong việc điều hành tất cả các hoạt động hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và người điều hành Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, trên cơ sở quỹ lương của người quản lý được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng quản trị thuê Tổng giám đốc điều hành thông qua Hợp đồng lao động thì quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ và nhiệm vụ cụ thể của Tổng giám đốc được quy định chi tiết trong Hợp đồng lao động; nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Hội đồng quản trị và Điều lệ này.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty theo phân cấp, ủy quyền, yêu cầu, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; có trách nhiệm giải trình và chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Thời hạn bổ nhiệm, ký hợp đồng thuê đối với Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại, ký lại hợp đồng thuê theo quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Ngay khi được Hội đồng quản trị tuyển dụng, ký hợp đồng thuê/bổ nhiệm và/hoặc chậm nhất trong tháng 01 hàng năm, Tổng giám đốc phải xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt Chương trình hành động của Tổng giám đốc để thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị khách hàng, tăng thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty và đề xuất, kiến nghị các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quy trình công nghệ, cơ cấu lại bộ máy điều hành, huy động các nguồn lực phục vụ các dự án đầu tư, chiến lược kinh doanh, kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty, phương án tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tồn tại và các vấn đề khác của Công ty. Xây dựng Kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm của Ban điều hành Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt chậm nhất trong tuần đầu tiên của tháng, quý, năm đó;

b) Triển khai Chương trình hành động của Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị phê duyệt; chủ trì thực hiện Kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm của Ban điều hành Công ty và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ đạo, yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để đạt mục tiêu, kết quả, hiệu quả cao nhất. Kịp thời báo cáo, giải trình, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với các vấn đề phát sinh trong việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc;

c) Chỉ đạo, phân công giao việc, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở chi trả lương, thưởng đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị, cá nhân, người quản lý trong bộ máy điều hành Công ty để bảo đảm thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Tổng giám đốc, Kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm của Ban điều hành Công ty và các mục tiêu, nhiệm vụ khác của Ban điều hành Công ty trên cơ sở tuân thủ các nghị quyết, quyết định, chủ trương, yêu cầu, chỉ đạo, kết luận của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty theo phân cấp, ủy quyền, yêu cầu, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật khác của Công ty;

e) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm, kế hoạch trung hạn của Công ty. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Quyết định đầu tư, bán tài sản; các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê; hợp đồng kinh doanh thương mại, hợp tác kinh doanh; giao dịch về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, bồi thường và các hợp đồng giao dịch khác của Công ty theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành hoặc theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trừ trường hợp Tổng giám đốc không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

f) Kiến nghị Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức của Công ty; các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;

g) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc và tương đương, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;

h) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và người thuộc thẩm quyền bỏ nhiệm của Tổng giám đốc;

i) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch sử dụng lao động hằng năm. Tuyển dụng lao động theo Kế hoạch sử dụng lao động hằng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

j) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất Hội đồng quản trị những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh và quản lý Công ty;

k) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ở công ty có vốn góp của Công ty và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Thực hiện các công việc, nhiệm vụ, yêu cầu do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị quản trị phân công;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải giải trình, báo cáo các cấp thẩm quyền khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các chỉ đạo, yêu cầu, kết luận của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và ký kết hợp đồng, bỏ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bỏ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một Người quản lý Công ty hoặc một Người điều hành Công ty khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

d) Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; không thực hiện được hoặc thực hiện không đạt hiệu quả đối với các kế hoạch phát triển, chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, trừ trường hợp có giải trình được Hội đồng quản trị chấp thuận;

b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

c) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

e) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

f) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 47. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu từ 70% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, điều hành khác của Công ty;
- d) Không phải là Người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Không phải là người có quan hệ gia đình của: người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ; người quản lý, điều hành công ty mẹ; thành viên Ban kiểm soát công ty mẹ; người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty; người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty khác và theo quy định tại khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
- f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 49. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 53 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 52. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 56 của Điều lệ này;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 55. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý Công ty và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân, tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trong trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

+ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;

+ Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

+ Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ này.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 3 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao

dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 của Điều lệ này.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 56. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo

tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 59. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 60. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 61. Quan hệ giữa Công ty với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 62. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của doanh nghiệp đó.
2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.
3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.
4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.
5. Hội đồng quản trị yêu cầu người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 63. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận và trích lập các loại quỹ của Công ty được thực hiện theo quy định của Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 64. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 65. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 66. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 68. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 69. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a) Điều lệ Công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty;

- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC 4: KIỂM TOÁN

Điều 70. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 71. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 72. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 73. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số

nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 74. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 75. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 76. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 05 chương 76 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn nhất trí thông qua ngày tháng ... năm tại trụ sở Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn thông qua ngày ... tháng ... năm

3. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Huỳnh Văn Cường

BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

(Đính kèm Tờ trình số 494/TTr-HĐQT ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị
về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
1	Điểm a, b khoản 1 Điều 1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>b) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</u></p> <p>b) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</u></p> <p>c) <u>“Bộ luật Dân sự” là Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</u></p>	Bổ sung để mở rộng tham chiếu đến BLDS 2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung của Luật
2	Điểm g, khoản 1 Điều 1	f) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	g) “Người quản lý <u>Công ty</u> ” là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</u>	<p>- Sửa để thống nhất với Điều 53 và toàn văn bản</p> <p>- Bổ sung thêm đối tượng “Phó Tổng giám đốc”, “Kế toán trưởng”</p>
3	Điểm h, khoản	g) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám	h) “Người điều hành <u>Công ty</u> ” là Tổng giám đốc,	Sửa để đồng nhất với toàn

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
	1 Điều 1	đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;	văn bản
4	Điểm i, khoản 1 Điều 1	h) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	i) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán <u>và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</u>	Bổ sung căn cứ của định nghĩa người có liên quan tại Luật Doanh nghiệp
5	Điểm k, khoản 1 Điều 1	j) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;	k) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% <u>trở lên</u> số cổ <u>phiếu</u> có quyền biểu quyết của Công ty <u>theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</u>	Bổ sung căn cứ tại Luật Chứng khoán
6	Điểm s, khoản 1 Điều 1		<u>s) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Công ty;</u>	Bổ sung thêm định nghĩa
7	Điểm t, khoản 1 Điều 1		<u>t) “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</u>	Bổ sung thêm định nghĩa
8	Điểm x, khoản 1 Điều 1		<u>x) “Người có quan hệ gia đình” là những người có mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</u>	Bổ sung thêm định nghĩa
9	Điểm z, khoản 1 Điều 1	x) “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.	z) “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số <u>64/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.</u>	Cập nhật căn cứ Luật
10	Khoản 4 Điều 1	4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa	4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa	Bổ sung căn cứ Luật

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		trong Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	trong Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán</u> và các văn bản Pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	Chứng khoán
11	Khoản 2 Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 2. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 2. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành <u>tại Việt Nam</u> kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Bổ sung tương ứng theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
12	Khoản 3 Điều 2	3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 39 402 184 - Fax : (028) 39 400 168 - E-mail: info@saigonport.vn - Website: saigonport.vn	3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: <u>Số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố. Hồ Chí Minh</u> - Điện thoại: (028) 39 402 184 - Fax : (028) 39 400 168 - E-mail: info@saigonport.vn - Website: saigonport.vn	Cập nhật địa giới hành chính
13	Khoản 4 Điều 2	4. Tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty có các Chi nhánh, văn phòng đại diện tại Phụ lục số 01. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	4. Tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty có các Chi nhánh, văn phòng đại diện. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.	Lược bỏ nội dung Phụ lục số 01 để không phải sửa đổi bổ sung điều lệ mỗi khi thành lập, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện
14	Khoản 5 Điều 2	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo	Sửa lại để đúng tham chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		Điều 74 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.	Điều 72 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.	số Điều
15	Khoản 2 Điều 3	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>2. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau:</p> <p>a) Người đại diện theo pháp luật thứ nhất - là Tổng giám đốc của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Người đại diện theo pháp luật thứ hai - là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty khi Người đại diện theo pháp luật thứ nhất vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm, bãi</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>2. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là: <u>Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u> <u>Việc phân</u> chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau:</p> <p>a) Người đại diện theo pháp luật thứ nhất - là Tổng giám đốc của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty <u>theo các quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ này,</u> trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Người đại diện theo pháp luật thứ hai - là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty <u>chỉ</u> khi Người đại diện theo pháp luật thứ nhất vắng mặt tại Việt Nam mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm</p>	Bổ sung để làm rõ và để trong trường hợp pháp luật có sự thay đổi về nội dung Người đại diện theo pháp luật mà Điều lệ chưa kịp sửa thì sẽ viện dẫn theo quy định của pháp luật theo các quy định của pháp

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		nhiệm.	chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm, bãi nhiệm.	
16	Khoản 3, 4 Điều 3 (cũ)	<p>3. Hội đồng quản trị quyết định thay thế, chấm dứt tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty và thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam.</p>		Lược bỏ
17	Khoản 3, 4, 5 Điều 3	<p>5. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác lưu trú tại Việt Nam và đang là Người quản lý Công ty hoặc Người điều hành Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty.</p> <p>Khi Công ty chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật lưu trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam trong thời hạn không quá 30 ngày phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân</p>	<p>3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác là <u>Người quản lý Công ty hoặc Người điều hành Công ty và đang cư trú tại Việt Nam</u> thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p> <p>4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty.</p> <p>5. Khi Công ty chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật <u>cư</u> trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn</p>	Sửa đổi các cụm từ “thành viên quản lý, điều hành Công ty” thành “Người quản lý Công ty hoặc Người điều hành Công ty” để đồng nhất với định nghĩa

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		khác cư trú tại Việt Nam và đang là Người quản lý Công ty hoặc Người điều hành Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản này mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Hội đồng quản trị cử một trong số các Người quản lý Công ty hoặc Người điều hành Công ty có mặt tại Việt Nam làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.	bản cho cá nhân <u>là Người quản lý Công ty hoặc Người điều hành Công ty và đang cư trú tại Việt Nam</u> thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.	
18	Khoản 6 Điều 3		<u>6. Trường hợp cả 02 người đại diện theo pháp luật không đủ điều kiện, tiêu chuẩn là người đại diện pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u>	
19	Điểm c khoản 1 Điều 4	Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây: c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo	Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây: c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, <u>phần</u>	Sửa lại lỗi chính tả và chuyển “các quy chế, quy định quản lý nội bộ” thành “các quy chế, quy định nội bộ”

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;	vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;	
20	Khoản 2 Điều 4	2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.	2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân <u>theo quy định của pháp luật</u> đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.	Cập nhật theo Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp đã được sửa đổi bổ sung tại Luật doanh nghiệp sửa đổi năm 2025
21	Khoản 1 Điều 5	Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: ...	Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: ... <u>Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp bổ sung ngành nghề kinh doanh trong khoảng thời gian giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</u>	Đã bổ sung theo nội dung xác nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp và bổ sung mã ngành (theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 135860/26 ngày 10/2/2026 của Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh)
22	Tên chương II	CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	Sửa lại tên Chương để phù hợp do không đề cập đến trái phiếu và phù hợp với Điều lệ Mẫu tại Thông tư 116
23	Khoản 5 Điều 7	Điều 7. Vốn điều lệ 5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường	Điều 7. Vốn điều lệ 5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các	- Để mở thêm nếu quy định của pháp luật khác có điều chỉnh

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>hợp sau đây:</p> <p>a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;</p> <p>b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này.</p> <p>Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).</p>	<p>trường hợp sau đây <u>và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành:</u></p> <p>a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu <u>cổ phần</u> của họ trong Công ty và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;</p> <p>b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại <u>Điều 11</u> và <u>Điều 12</u> Điều lệ này <u>và pháp luật hiện hành.</u></p> <p>Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).</p>	- Sửa lại để đúng tham chiếu số Điều
24	Khoản 4, 5, 7 Điều 8	<p>Điều 8. Cổ phần</p> <p>...</p> <p>4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.</p> <p>5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	<p>Điều 8. Cổ phần</p> <p>...</p> <p>4. Công ty có thể phát hành <u>các loại</u> cổ phần ưu đãi <u>sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</u> Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.</p> <p>5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại <u>và cổ phần ưu đãi khác</u> do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>...</p> <p><u>7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi</u></p>	Thay đổi cách diễn đạt để làm rõ nội dung và phù hợp với nội dung tương ứng tại Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông ty 116/BTC

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u>	
25	Khoản 3 Điều 9	Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu và sổ đăng ký cổ đông ... 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu, <u>chứng chỉ chứng khoán khác</u> và sổ đăng ký cổ đông ... 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty <u>(hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định)</u> , người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Bổ sung để mở tùy thuộc vào điều khoản phát hành thực tế
26	Khoản 6 Điều 9		6. Đối với cổ phiếu của Công ty đã đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác có chức năng tương đương), các thủ tục sẽ được thực hiện theo quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác có chức năng tương đương) và pháp luật có liên quan.	Bổ sung đối với các trường hợp cổ phiếu đã đăng ký lưu ký VSDC
27	Điểm a khoản 3 Điều 11	Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	Sửa “giá trị mua lại” thành “giá mua lại” để phù hợp

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>...</p> <p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:</p> <p>a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;</p>	<p>...</p> <p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:</p> <p>a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;</p>	với quy định gốc tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp
28	Khoản 4, 5 Điều 11	<p>4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.</p> <p>5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán, Điều 134 Luật Doanh nghiệp <u>và các văn bản pháp luật có liên quan.</u></p>	Gộp hai khoản 4 và 5 cũ để tương đồng với cách trình bày của khoản 3 Điều 12
29	Khoản 3 Điều 12	<p>Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.</p>	<p>Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. <u>Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông còn phải</u> thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp, Điều 36 Luật Chứng khoán <u>và các</u></p>	Sửa đổi bổ sung để đồng nhất với khoản 4 Điều 11

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>quy định pháp luật hiện hành.</u>	
30	Điều 13	<p>Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.</p> <p>4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.</p> <p>6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế</p>	<p>Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ đông tương ứng. <u>Các cổ phần hạn chế chuyển nhượng bao gồm: cổ phần mua ưu đãi của tổ chức công đoàn, cổ phần mua ưu đãi của người lao động theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước, cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông là người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài cho Công ty khi Công ty thực hiện cổ phần hóa và các cổ phần khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền <u>hợp lệ</u> của <u>mỗi bên</u> ký.</p> <p>4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên</p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty có cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.</p> <p>8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 5 Điều 8 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	
31	Khoản 4, 6 Điều 14	<p>Điều 14. Trả cổ tức</p> <p>...</p> <p>4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.</p> <p>...</p>	<p>Điều 14. Trả cổ tức</p> <p>...</p> <p>4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.</p> <p><u>Thông báo phải bao gồm các nội dung theo quy</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung quy định - Sửa lại để đúng số Điều dẫn chiếu - Bổ sung dẫn chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.	<u>định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.</u> ... 6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại <u>Điều 10</u> Điều lệ này <u>và Điều 124, 125 Luật Doanh nghiệp.</u> Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.	
32	Điểm a khoản 1 Điều 15	Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;	Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. a) Đại hội đồng cổ đông <u>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết,</u> là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;	Bổ sung để tương đồng với định nghĩa tại Luật Doanh Nghiệp
33	Điểm a khoản 1 Điều 16	Điều 16. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông, hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hoặc biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty. Mỗi cổ	Điều 16. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông, hoặc thông qua <u>người</u> đại diện được ủy quyền, hoặc thực hiện bỏ phiếu <u>điện tử, hoặc biểu quyết từ xa,</u> hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Điều chỉnh để thống nhất thuật ngữ với các quy định pháp luật

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;		
34	Điểm d khoản 1 Điều 16	d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;	d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng quy định của pháp luật <u>và quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này;</u>	Bổ sung để dẫn chiếu đến nội dung quy định chi tiết.
35	Điểm k khoản 1 Điều 16	k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị <u>theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định;</u>	Để mở, không chỉ gói gọn trong mỗi Luật Doanh nghiệp
36	Điểm a khoản 2 Điều 16	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau: a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều này và điểm c khoản 4 Điều 20 Điều lệ này;	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau: a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều này, <u>các quy định khác tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành;</u>	Điểm c khoản 4 Điều 20 Điều lệ này phải tương đương với Điều 140 Luật Doanh nghiệp theo Điều lệ mẫu, tuy nhiên phạm vi của điểm c khoản 4 Điều 20 Điều lệ này hẹp hơn, vì vậy sửa lại để mở phạm vi
37	Điểm e khoản 2 Điều 16	e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.	Chuyển toàn bộ “quy định quản lý nội bộ” trong văn bản thành “quy định nội bộ” để mở rộng phạm vi sang toàn bộ các quy định nội bộ, không chỉ ở mỗi Quy chế, Quy định về quản lý
38	Khoản 4 Điều	4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy	4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy	Bổ sung tương ứng Khoản

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
	16	định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	4 Điều 155 Luật doanh nghiệp đã được sửa đổi tại Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025
39	Khoản 7 Điều 16		<u>7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u>	Sửa đổi để mở tham chiếu
40	Khoản 3 Điều 17	Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: ... 3. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: ... 3. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế, <u>quy định nội bộ</u> của Công ty.	Chuyển toàn bộ “quy định quản lý nội bộ” trong văn bản thành “quy định nội bộ” để mở rộng phạm vi sang toàn bộ các quy định nội bộ, không chỉ ở mỗi

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
				Quy chế, Quy định về quản lý
41	Điểm e khoản 6 Điều 17	6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua <u>một hoặc nhiều trong số các hình thức sau tùy theo quy định của Công ty tại từng cuộc họp:</u> <u>e) Các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và quyết định của người triệu tập họp phù hợp với quy định của pháp luật.</u>	- Sửa để dẫn chiếu phương thức biểu quyết đến quy chế làm việc của từng cuộc họp, do không phải lúc nào cũng nhận qua thư, fax, thư điện tử... - Bổ sung để mở phương thức biểu quyết
42	Khoản 9 Điều 17	9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế, <u>quy định nội bộ</u> của Công ty.	Chuyển toàn bộ “quy định quản lý nội bộ” trong văn bản thành “quy định nội bộ” để mở rộng phạm vi sang toàn bộ các quy định nội bộ, không chỉ ở mỗi Quy chế, Quy định về quản lý
43	Điểm b khoản 5 Điều 18	5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... b) Không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp.	5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: ... b) Không có quan hệ gia đình của <u>Người quản lý Công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý Công ty đối với những đối tượng cổ đông là tổ chức theo quy định tại điểm b</u>	- Đã điều chỉnh khoản này để tương đồng nội dung với tại Điểm b Khoản 5 Điều 14 Luật doanh nghiệp.

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp.</u>	
44	Khoản 1 Điều 19	1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.	1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>của pháp luật và</u> tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.	Bổ sung để mở rộng phạm vi tham chiếu
45	Khoản 1, Điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 20	Điều 20. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty..... ... 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ	Điều 20. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền <u>biểu</u> quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty... ... 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>tại Luật Doanh nghiệp</u> ; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình	- Sửa lỗi chính tả - Sửa tương ứng với Điều lệ mẫu và tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp - Bổ sung nội dung để mở

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. 5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.	tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. 5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này, <u>các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và theo quy định của pháp luật.</u>	
46	Điểm k, n khoản 1 Điều 21	Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây: ... k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; ... n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây: ... k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động <u>của</u> Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; ... n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, các <u>quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u>	Sửa lỗi chính tả, điều chỉnh nội dung để mở
47	Điểm q, r khoản 2 Điều 21	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận tại cuộc họp và thông qua các vấn đề sau: ...	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: ...	- Bỏ từ “tại cuộc họp” để không dẫn tới việc hiểu cần phải họp trực tiếp mà

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 55 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 55 Điều lệ này;</p> <p>s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p>	<p>q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại <u>khoản 3 Điều 55</u> Điều lệ này;</p> <p>r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động <u>của</u> Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động <u>của</u> Ban kiểm soát;</p>	<p>không được lấy ý kiến các nội dung sau đó</p> <p>- Sửa lại để đúng số Điều dẫn chiếu, đã bỏ điểm q) cũ do trùng lặp nội dung với điều r) cũ</p>
48	Khoản 1, 4 Điều 22	<p>Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>...</p> <p>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng</p>	<p>Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, <u>Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u></p> <p>...</p> <p>4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp</p>	<p>- Thêm vào để mở rộng hình thức họp</p> <p>- Thêm đoạn này để nói thời gian tối thiểu nộp lại ủy quyền trong trường hợp tổ chức họp trực tuyến</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại <u>hoặc một thời điểm khác (nếu có) được người triệu tập họp quyết định khi triệu tập họp.</u>	
49	Tên Điều 23	Điều 23. Thay đổi các quyền đối với các loại cổ phần của Công ty	Điều 23. Thay đổi các quyền	Điều chỉnh tên điều cho đồng nhất với Điều lệ mẫu, và công ty chỉ có 1 loại cổ phần nên không cần đề các loại cổ phần
50	Khoản 4 Điều 23		4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu
51	Khoản 2 Điều 24	Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ... 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: ... b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;	Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ... 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: ... <u>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</u>	- Bổ sung theo khoản 5 điều 140 Luật Doanh nghiệp - Chuyển dùng từ “cuộc họp” thay vì “đại hội” cho đúng bản chất và thống nhất với Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;</p> <p>g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>h) Các công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
52	Điểm b, d khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 24	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên;</p> <p>...</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này;</p> <p>...</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5</p>	<p>- Bổ sung căn cứ</p> <p>- Chuyển toàn bộ “quy định quản lý nội bộ” trong văn bản thành “quy định nội bộ” để mở rộng phạm vi không chỉ ở mỗi QC, QĐ về quản lý</p> <p>- Gộp khoản 6 và khoản 7</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.	Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. <u>Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.</u>	
53	Khoản 1, 6, 9, 10 Điều 26	Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: ... 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. ... 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều	Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự <u>cơ bản như</u> sau: ... <u>c) Trình tự đăng ký cổ đông dự họp được quy định cụ thể tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và được người triệu tập họp quy định phù hợp với từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u> ... 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố <u>trước</u>	- Để mở do nội dung bên dưới chỉ phù hợp cho họp trực tiếp - Hướng nội dung đăng ký cụ thể sang quy chế Quản trị công ty và quy chế tổ chức của từng đại hội - Chuyển “ngay trước khi bế mạc cuộc họp” thành “trước khi bế mạc cuộc họp” để linh hoạt thời gian đọc biên bản kiểm phiếu và phù hợp với thực tế - Mở thêm để Người triệu tập họp có thể quyết định các hình thức họp khi tổ chức

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	<u>Khi bế mạc</u> cuộc họp. ... 10. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định hình thức họp trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tuyến và trực tiếp hoặc các hình thức khác phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy thời điểm.</u> Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
54	Khoản 1 Điều 27	Điều 27. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Điều 27. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u>	Mở cho hình thức online
55	Khoản 2 Điều	Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng	Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng	Sửa phù hợp với văn bản

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
	30	cổ đông ... 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	cổ đông ... 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này . Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	
56	Khoản 1, 2, 4 Điều 32	Điều 32. Thành phần và thời hạn hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 09 thành viên, trong đó có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với thời hạn không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. ... 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải bảo đảm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên chuyên trách không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải	Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 07 thành viên. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. ... 4. Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành . Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bảo đảm có tối thiểu 02 thành viên độc lập. ...	- Sửa tên Điều để phù hợp nội dung và tương đồng Điều lệ mẫu - Thống nhất lược bỏ các nội dung “chuyên trách” và “không chuyên trách” trong toàn văn bản - Điều chỉnh số lượng thành viên hội đồng quản trị theo tình hình thực tế - “thời hạn” không hạn chế chuyển thành “số nhiệm kỳ” không hạn chế (để phù hợp Điều 154 Luật doanh nghiệp) - Đoạn này sửa theo khoản

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>bảo đảm có tối thiểu 03 thành viên độc lập.</p> <p>...</p>	<p><u>7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty</u></p>	<p>2 Điều 276 Nghị định 155 đã được sửa đổi bởi khoản 79 Điều 1 Nghị định 245</p> <p>- Bổ sung theo Quy chế mẫu</p>
57	<p>Điểm b, c, d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 33</p>	<p>Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>...</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p>d) Không phải là người có quan hệ gia đình của: người quản lý công ty mẹ; người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người quản lý, điều hành khác của Công ty. Khái niệm người có quan hệ gia đình trong Điều lệ này được hiểu và áp dụng theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của</p>	<p>Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>....</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong <u>quản trị</u> kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; <u>Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</u></p> <p>d) Không phải là người có quan hệ gia đình của: <u>Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</u></p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty <u>(nếu có)</u> phải đáp ứng các tiêu chuẩn và</p>	<p>- Sửa “quản lý” → “quản trị” theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Điều chỉnh theo quy định tại Nghị định 155</p> <p>- Điều chỉnh để phù hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Đã định nghĩa “người có quan hệ gia đình” nên lược bỏ tại đây</p> <p>- Sửa “Khi công ty niêm yết” → “(nếu có)” để mở trong trường hợp công ty chưa niêm yết nhưng vẫn có nhu cầu có thành viên độc lập HĐQT</p> <p>- Bổ sung cho thống nhất với khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>Công ty khi Công ty niêm yết phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>....</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	<p>điều kiện sau đây:</p> <p>...</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ <u>các tiêu chuẩn và</u> điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	
58	Điểm g, h, i, k, l, m, p, r, y khoản 2 Điều 35	<p>Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>...</p> <p>g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>...</p> <p><u>g) Quyết định đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn các dự án, mua sắm, sửa chữa duy tu, nạo vét và các khoản chi đột xuất, cấp bách phụ vụ</u></p>	<p>- Sửa lại để đúng số Điều dẫn chiếu</p> <p>- Để mở hơn văn bản tham chiếu</p> <p>- Sửa nội dung về khoản đầu tư để thống nhất nội hàm. Bỏ nội dung liên quan đến Phó Chủ tịch vì cơ cấu tổ chức không có</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>h) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 4 Điều 55 Điều lệ này; Quyết định các khoản bảo lãnh cho công ty con có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định đầu tư dự án, mua sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi đột xuất cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>...</p> <p>k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;</p> <p>l) Phân công nhiệm vụ, ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách, theo dõi</p>	<p><u>sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thông qua) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị quyết định đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Đối với những dự án, mua sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị phải báo cáo tại cuộc Đại hội đồng cổ đông gần nhất;</u></p> <p>h) Quyết định <u>mua, thuê mua, bán tài sản</u> có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, <u>khoản 3</u> Điều 55 Điều lệ này; Quyết định các khoản bảo lãnh cho công ty con có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>...</p> <p>k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng</p>	<p>chức danh này.</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>các mặt công tác để thực hiện quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>m) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này theo đề nghị của Tổng giám đốc;</p> <p>...</p> <p>p) Giao nhiệm vụ và đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở chi trả lương, thưởng đối với Tổng giám đốc; chỉ đạo và yêu cầu báo cáo giải trình, kiểm tra, giám sát các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác trong điều hành kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty bảo đảm tuân thủ các nghị quyết, quyết định, chủ trương, yêu cầu, chỉ đạo, kết luận của Hội đồng quản trị;</p> <p>...</p>	<p>quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;</p> <p><u>l) Cử người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện vốn của Công ty tham gia hoặc ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, cử người tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát hoặc cử Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p><u>m) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này theo đề nghị của Tổng giám đốc;</u></p> <p>...</p> <p>p) Giao nhiệm vụ và đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở chi trả lương, thưởng đối với Tổng giám đốc;</p> <p>...</p> <p>r) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu</p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>r) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc: quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>....</p> <p>y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.</p>	<p>tư; đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty; <u>vay, cho vay; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;</u> ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>...</p> <p>y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
59	Khoản 3 Điều 35	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:</p> <p>b) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này.</p> <p>trước thời điểm giao dịch.</p> <p>...</p> <p>e) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>Điều 36</u> Điều lệ này.</p> <p>...</p> <p>d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của <u>từng</u> thành viên độc lập (<u>nếu có</u>) về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Thù lao và các lợi ích khác của HĐQT được đề cập trong cả Điều 36, không chỉ riêng khoản 3</p> <p>- Sửa đổi theo khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155, đã được sửa bởi Nghị định số 245</p>
60	Khoản 2 Điều 36	<p>Điều 36. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, lương, thưởng cho</p>	<p>Điều 36. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, lương, thưởng</p>	<p>Bỏ các nội dung liên quan đến thành viên “chuyên trách” và “không chuyên</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương (đối với thành viên chuyên trách), được hưởng thù lao (đối với thành viên không chuyên trách) cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, lương và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương, được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, lương và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>	trách” trong toàn văn bản
61	Tiêu đề Điều 37	Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bỏ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT để phù hợp với tình hình thực tế
62	Khoản 2 Điều 37 (cũ)	... 2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.		Lược bỏ do không còn chức danh Phó Chủ tịch HĐQT
63	khoản 2 Điều 37	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm <u>nhiệm chức danh</u> Tổng giám đốc.	Bổ sung để tương đồng khoản 2 Điều 275 Nghị định 155

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
64	Điểm j khoản 4 Điều 37	j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ này; các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ này; các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại <u>Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u>	Để mở hơn văn bản tham chiếu
65	Khoản 2, 4, 6 Điều 38	Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị và việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ... 2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trừ các cuộc họp nội bộ của Hội đồng quản trị. ... 4. Đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. ... 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa	Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị và việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ... 2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trừ các cuộc họp nội bộ của Hội đồng quản trị. <u>Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến và/hoặc các hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.</u> ... 4. Đề nghị <u>quy định</u> tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm	- Để mở cho phép các hình thức họp khác nhau - Sửa “nêu tại” thành “quy định tại” - Bổ sung để phục vụ cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử,....

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	quyền của Hội đồng quản trị. ... 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp, phiếu biểu quyết của thành viên <u>và hướng dẫn tham dự/biểu quyết tại cuộc họp (nếu có).</u>	
66	Khoản 9 Điều 38	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: ... <u>e) Các hình thức và phương tiện khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.</u>	- Mở thêm các hình thức họp khác
67	Điểm b khoản 13 Điều 38	13. Việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: ... b) Các thành viên Hội đồng quản trị xem xét biểu quyết các nội dung xin ý kiến theo thời hạn được ghi trong Phiếu lấy ý kiến và gửi lại cho Chủ tịch	13. Việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: ... b) Các thành viên Hội đồng quản trị xem xét biểu quyết các nội dung xin ý kiến theo thời hạn được	Bổ sung thêm nội dung để Thành viên Hội đồng quản trị cho ý kiến thông qua email và các hình thức trao đổi trực tuyến khác

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		Hội đồng quản trị	ghi trong Phiếu lấy ý kiến và gửi lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. <u>Các thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi ý kiến biểu quyết cho bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị thông qua email, hệ thống văn phòng điện tử Công ty (PO) hoặc các hình thức trao đổi trực tuyến khác; Bản giấy của Phiếu lấy ý kiến sau đó được gửi về Công ty để phục vụ công tác lưu trữ hồ sơ theo quy định;</u>	
68	Khoản 2, 4, 5, 6 Điều 39	<p>Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</p> <p>...</p>	<p>Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ <u>này</u> và pháp luật có liên quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ công ty → Điều lệ này - Bổ sung theo điều 279 Nghị định 155 - “pháp lý ngang nhau” → “pháp lý như nhau” - Điều chỉnh để gắn việc không có ý kiến đồng nghĩa với việc đồng ý với nội dung Biên bản họp

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi dự thảo biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị để thống nhất nội dung biên bản trước khi ký.</p>	<p>...</p> <p>4. <u>Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.</u> Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực <u>pháp lý như</u> nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp <u>và tính hợp lệ của việc biểu quyết tại cuộc họp,</u> trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. <u>Sau thời hạn này, nếu các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến thì coi như đã đồng ý với biên bản.</u> Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi dự thảo biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị để thống nhất nội dung biên bản trước khi</p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			ký.	
69	Khoản 1, 2 Điều 40	<p>Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu <u>Người điều hành Công ty</u> cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. <u>Người điều hành Công ty</u> được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Điều chỉnh “người điều hành doanh nghiệp” → “người điều hành công ty” để thống nhất thuật ngữ toàn văn bản
70	Điểm j khoản 3 Điều 42	<p>Điều 42. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>...</p> <p>3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.</p>	<p>Điều 42. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>...</p> <p>3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các <u>quy chế, quy định nội bộ của Công ty</u> và các quy định pháp luật hiện hành.</p>	Sửa để mở rộng phạm vi các văn bản tham chiếu
71	Khoản 2 Điều 44	<p>Điều 44. Người điều hành Công ty</p> <p>...</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý</p>	<p>Điều 44. Người điều hành Công ty</p> <p>...</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy</p>	Điều chỉnh để thống nhất thuật ngữ dùng trong văn bản

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	
72	Điểm d khoản 4 Điều 45	Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc ... 4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau: ... d) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty theo phân cấp, ủy quyền, yêu cầu, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật khác của Công ty;	Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc ... 4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau: ... d) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty theo phân cấp, ủy quyền, yêu cầu, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật khác của Công ty;	Không còn chức danh Phó chủ tịch HĐQT nên lược bỏ tại đây
73	Khoản 7 Điều 45 7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và ký kết hợp đồng, bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý 7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và ký kết hợp đồng, bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một Người	Điều chỉnh để thống nhất thuật ngữ dùng trong văn bản

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc.	quản lý Công ty hoặc một Người điều hành Công ty khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc.	
74	Điểm b khoản 1 Điều 46	Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc 1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: ... b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;	Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc 1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: ... b) Không phải là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty , Thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;	Điều chỉnh để thống nhất thuật ngữ dùng trong văn bản
75	Điểm f khoản 3 Điều 46	Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc 3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: ... f) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc 3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: ... f) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.	Điều chỉnh lại để mở rộng phạm vi các văn bản tham chiếu
76	Khoản 1 Điều 48	Điều 48. Thành phần Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với	Điều 48. Thành phần Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với	“thời hạn” → “số nhiệm kỳ” theo quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		thời hạn không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.	số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.	
77	Điểm d, e Khoản 2 Điều 48	2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: ... d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; e) Không phải là người có quan hệ gia đình của: người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ; người quản lý, điều hành công ty mẹ; thành viên Ban kiểm soát công ty mẹ; người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty; người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty khác;	2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: ... d) Không phải là Người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; e) Không phải là người có quan hệ gia đình của: người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ; người quản lý, điều hành công ty mẹ; thành viên Ban kiểm soát công ty mẹ; người đại diện phần vốn của công ty mẹ tại Công ty; người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty khác và theo quy định tại khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp;	- Sửa để đồng nhất với định nghĩa - Do điểm này tương đồng nhưng không hoàn toàn giống quy định tại khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp vì vậy bổ sung căn cứ tại Luật doanh nghiệp để đầy đủ nội dung
78	Khoản 5 Điều 48	5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc thời hạn hoạt động mà thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết thời hạn hoạt động vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	“thời hạn hoạt động” → “nhiệm kỳ” tương ứng theo Khoản 3 Điều 168 Luật Doanh nghiệp
79	Điểm e khoản 1 Điều 53	Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý Công ty 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám	Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý Công ty 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám	Bổ sung để đầy đủ như Khoản 2 Điều 277 Nghị

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây: ... e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty.	đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây: ... e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty <u>theo quy định của pháp luật.</u>	định 155
80	Tên Điều 55	Điều 55. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 55. Giao dịch với cổ đông, <u>Người quản lý Công ty</u> và người có liên quan của các đối tượng này	Điều chỉnh để thống nhất thuật ngữ dùng trong văn bản
81	Khoản 2, 3 Điều 55	<p>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>3. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc mà Công</p>	<p>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và <u>trong</u> trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>3. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho</p>	<p>- Bổ sung một loạt nội dung “Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng” để đầy đủ Người quản lý Công ty</p> <p>- Sửa lại dẫn chiếu Điều</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này; + Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; + Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ này. <p>c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.</p>	<p>tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> và người có liên quan của các đối tượng này; + Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; + Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ này. <p>c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu</p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này.	
82	Khoản 4 Điều 55	4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 3 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng , giao dịch không có quyền biểu quyết.	- Sửa lại cho dẫn chiếu đến đúng đối tượng - Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245 đã bỏ việc HĐQT có thể thông qua giao dịch tại Điểm c, khoản 3 Điều này - Điều chỉnh “các hợp đồng...” → “các bên trong hợp đồng...” tương ứng với Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp
83	Khoản 5 Điều 55	5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo	5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội	Sửa lại để đúng số Điều dẫn chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 27 của Điều lệ này.	đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại <u>Khoản 3</u> , khoản 4 Điều 27 của Điều lệ này.	
84	Khoản 1, 2, điểm d khoản 4 Điều 56	<p>Điều 56. Công khai lợi ích có liên quan</p> <p>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty. Người quản trị Công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty (gồm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị) phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>...</p> <p>4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên</p>	<p><u>Điều 56. Công khai các lợi ích liên quan</u></p> <p>Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty. Người <u>phụ trách</u> quản trị Công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng</u> phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>...</p> <p>4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có</p>	<p>- Điều chỉnh tên Điều cho thống nhất với Điều 164 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Điều chỉnh các thuật ngữ sau để thống nhất trên toàn văn bản và các quy định pháp luật:</p> <p>+ “Người quản trị Công ty” → “Người phụ trách quản trị Công ty”</p> <p>+ “Kiểm soát viên” → “Thành viên Ban kiểm soát”</p> <p>- Điều lệ này đã đồng nhất các chức danh là Người quản lý Công ty, vì vậy bổ sung trực tiếp “Phó Tổng giám đốc và Kế toán</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>...</p> <p>d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>...</p>	<p>liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>...</p> <p>d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>...</p>	<p>trường” tại đây</p> <p>- Sửa để phù hợp</p>
85	Khoản 2 Điều 57	<p>Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>...</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên</p>	<p>Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>...</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, nhân</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp định nghĩa</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	
86	Tên Mục 8	MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY	MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	
87	Điều 59	<p>Điều 59. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty</p>	<p>Điều 59. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <u>Người điều hành Công ty.</u></p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các <u>tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</u></p>	Điều chỉnh để phù hợp định nghĩa và thực tế

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.</p> <p>4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.</p>		
88	Khoản 6 Điều 63	<p>Điều 63. Phân phối lợi nhuận</p> <p>...</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận và trích lập các loại quỹ của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản lý tài chính của Công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 63. Phân phối lợi nhuận</p> <p>...</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận và trích lập các loại quỹ của Công ty được thực hiện theo quy định của Điều lệ này, <u>các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, các quy định pháp luật hiện hành</u> và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều chỉnh lại để mở rộng phạm vi các văn bản tham chiếu
89	Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 69	<p>Điều 69. Công khai thông tin</p> <p>...</p> <p>2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:</p> <p>...</p> <p>b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị,</p>	<p>Điều 69. Công khai thông tin</p> <p>...</p> <p>2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:</p> <p>...</p> <p>b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng</p>	<p>- Điều chỉnh thuật ngữ</p> <p>- Bổ sung để trong trường hợp Công ty thuộc trường hợp do NN nắm giữ trên 50% VDL sẽ phải công khai theo quy định tại điều 109 và 110 Luật Doanh</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty; ... 3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	quản trị, thành viên Ban Kiểm soát , Tổng giám đốc Công ty; ... 3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và theo quy định của pháp luật hiện hành.	nghiệp
90	Khoản 3 Điều 71	Điều 71. Dấu của Công ty ... 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	Điều 71. Dấu của Công ty ... 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.	Điều chỉnh lại để mở rộng phạm vi các văn bản tham chiếu
91	Khoản 1 Điều 74	Điều 74. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:	Điều 74. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:	Loại bỏ lặp từ, sửa “Điều lệ Công ty” thành “Điều lệ này”
92	Phụ lục 01	PHỤ LỤC 01	Lược bỏ	Bỏ do căn cứ nội dung đã lược bỏ tại Khoản 4 Điều 2 Điều lệ này

PHỤ LỤC 2:

(Đính kèm tờ trình số 494/TTr-HĐQT ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-CSG ngày tháng năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ-CSG ngày ... tháng năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ Công ty thì được hiểu và áp dụng tương tự như trong Quy chế này. Để bảo đảm tính thống nhất, dễ hiểu và ngắn gọn của Quy chế, các thuật ngữ và từ viết tắt dưới đây có định nghĩa như sau:

a) “**Quản trị Công ty**” là hệ thống các quy tắc về bảo đảm cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị bao gồm:

- Bảo đảm một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Bảo đảm quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Bảo đảm vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị lãnh đạo, Ban kiểm soát kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b) “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

c) “**Đại hội đồng cổ đông**” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

d) “**Cổ đông**” là cổ đông của Công ty;

e) “**Hội đồng quản trị**” là Hội đồng quản trị của Công ty;

f) “**Ban kiểm soát**” là Ban kiểm soát của Công ty;

g) “**Tổng giám đốc**” là Tổng giám đốc của Công ty;

h) “**Người quản lý Công ty**” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

i) “**Người điều hành Công ty**” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

j) “**Điều lệ**” là Điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được thông qua hợp lệ;

k) “**Quy chế**” là Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;

l) “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

m) “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

n) “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 55 Điều lệ Công ty;
 - r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 5. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông (“Ban kiểm tra tư cách cổ đông”). Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm thủ tục đăng ký tại vị trí đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền, kiểm tra thư /thông báo mời họp, văn bản ủy quyền (nếu có) và các giấy tờ, tài liệu xác thực khác theo quy định của từng lần họp Đại hội đồng cổ đông hoặc khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông xét thấy cần thiết.

Trong trường hợp cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền không đáp ứng yêu cầu về tư cách cổ đông thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc tham dự đại hội của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó. Nếu có phát sinh vấn đề vượt quá thẩm quyền, Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa để xử lý.

b) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ

đồng, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

d) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty, Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp, các văn bản hướng dẫn của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Người triệu tập hoặc ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông có thể áp dụng các phương thức khác nhau để cổ đông khai báo và xác nhận việc ủy quyền cho người đại diện phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật.

e) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty, Điều 145 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp; Chủ tọa Đại hội phải:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến theo hình thức quy định tại khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định hình thức họp trực tiếp, trực tuyến, kết họp trực tuyến và trực tiếp hoặc các hình thức khác phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy thời điểm. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 6. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục tập họp; trình tự, thủ tục lấy ý kiến và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 7. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu

Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này;

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn 01 tổ chức định giá và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 8. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 9. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Điều lệ Công ty;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến trong các trường hợp Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành văn bản phù hợp để hướng dẫn/quy định chi tiết/điều chỉnh một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức nêu trên đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp Quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này. Ngoài ra, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập hoặc ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

a) Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn đã được gửi cho cổ đông và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Theo đó, cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn đã được công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách cổ đông để tham dự họp.

b) Cổ đông chỉ được xem là tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi đã đăng nhập và thực hiện thủ tục theo quy định tại Quy chế tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đó.

c) Ban tổ chức sẽ cung cấp cho các cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ cổ đông truy cập và tham gia cuộc họp.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

5. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

Người triệu tập họp hoặc ban tổ chức sẽ chuẩn bị hệ thống, thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào hệ thống hoặc trang thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các cổ đông trước mỗi lần họp.

6. Cách thức kiểm phiếu

Ban tổ chức sẽ áp dụng các hệ thống, công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền đã biểu quyết bằng hình thức biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức khác theo quy định của Người triệu tập họp hoặc ban tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

8. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo cách thức và nội dung như quy định tại Điều 6 và Điều 8 của Quy chế này.

Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Bên cạnh hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp hoặc trực tuyến, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến trong các trường hợp Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành văn bản phù hợp để hướng dẫn/quy định chi tiết/điều chỉnh một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp

Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức nêu trên đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp Quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này. Ngoài ra, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến, người triệu tập hoặc ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến/trực tiếp và chuẩn bị, bố trí các thiết bị phù hợp tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

a) Đối với các cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại địa điểm diễn ra cuộc họp như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

b) Đối với các cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

3. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

4. Cách thức bỏ phiếu

Cổ đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức: (i) bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp, (ii) bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác hoặc (iii) các cách thức khác theo quy định của Người triệu tập họp hoặc ban tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Cách thức kiểm phiếu

Ban tổ chức sẽ áp dụng các hệ thống, công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc người đại diện theo ủy quyền đã biểu quyết bằng hình thức biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức khác theo quy định của Người triệu tập họp hoặc ban tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Thực hiện theo cách thức và nội dung như quy định tại Điều 6 và Điều 8 của Quy chế này.

Điều 12. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác

Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức khác do Người triệu tập họp quyết định tùy vào từng thời điểm nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy

định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định, quy chế khác có liên quan.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Về tổ chức, quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Hội đồng quản trị

Việc tổ chức, quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Điều 14. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này.

Điều 15. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông. Tham mưu, giúp việc, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị giao.

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

d) Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan của Công ty;

- i) Bảo mật thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG IV

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 16. Tổ chức bộ máy điều hành

Hệ thống quản lý của Công ty phải bảo đảm tất cả các đơn vị, cá nhân, người quản lý trong bộ máy điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và có nghĩa vụ báo cáo giải trình; thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao đề nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; chịu sự kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm, dự án đầu tư, các mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và trong việc điều hành tất cả các hoạt động hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và người điều hành Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, trên cơ sở quỹ lương của người quản lý được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng quản trị thuê Tổng giám đốc điều hành thông qua Hợp đồng lao động thì quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ và nhiệm vụ cụ thể của Tổng giám đốc được quy định chi tiết trong Hợp đồng lao động; nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty theo phân cấp, ủy quyền, yêu cầu, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; có trách nhiệm giải trình và chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Thời hạn bổ nhiệm, ký hợp đồng thuê đối với Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại, ký lại hợp đồng thuê theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Công ty.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Ngay khi được Hội đồng quản trị tuyển dụng, ký hợp đồng thuê/bổ nhiệm và/hoặc chậm nhất trong tháng 01 hàng năm, Tổng giám đốc phải xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt Chương trình hành động của Tổng giám đốc để thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị khách hàng, tăng thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty và đề xuất, kiến nghị các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quy trình công nghệ, cơ cấu lại bộ máy điều hành, huy động các nguồn lực phục vụ các dự án đầu tư, chiến lược kinh doanh, kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty, phương án tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tồn tại và các vấn đề khác của Công ty. Xây dựng Kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm của Ban điều hành Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt chậm nhất trong tuần đầu tiên của tháng, quý, năm đó;

b) Triển khai Chương trình hành động của Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị phê duyệt; chủ trì thực hiện Kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm của Ban điều hành Công ty và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định, chỉ đạo, yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị để đạt mục tiêu, kết quả, hiệu quả cao nhất. Kịp thời báo cáo, giải trình, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với các vấn đề phát sinh trong việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc;

c) Chỉ đạo, phân công giao việc, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở chi trả lương, thưởng đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị, cá nhân, người quản lý trong bộ máy điều hành Công ty để bảo đảm thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Tổng giám đốc, Kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm của Ban điều hành Công ty và các mục tiêu, nhiệm vụ khác của Ban điều hành Công ty trên cơ sở tuân thủ các nghị quyết, quyết định, chủ trương, yêu cầu, chỉ đạo, kết luận của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh, hoạt động hàng ngày của Công ty theo phân cấp, ủy quyền, yêu cầu, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật khác của Công ty;

e) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm, kế hoạch trung hạn của Công ty. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Quyết định đầu tư, bán tài sản; các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê; hợp đồng kinh doanh thương mại, hợp tác kinh doanh; giao dịch về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, bồi thường và các hợp đồng giao dịch khác của Công ty theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành hoặc theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trừ trường hợp Tổng giám đốc không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

f) Kiến nghị Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức của Công ty; các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc và tương đương, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;

h) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

i) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch sử dụng lao động hằng năm. Tuyển dụng lao động theo Kế hoạch sử dụng lao động hằng năm đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

j) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất Hội đồng quản trị những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh và quản lý Công ty;

k) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ở công ty có vốn góp của Công ty và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Thực hiện các công việc, nhiệm vụ, yêu cầu do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải giải trình, báo cáo các cấp thẩm quyền khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các chỉ đạo, yêu cầu, kết luận của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và ký kết hợp đồng, bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một Người quản lý Công ty hoặc một Người điều hành Công ty khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc.

Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

d) Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; không thực hiện được hoặc thực hiện không đạt hiệu quả đối với các kế hoạch phát triển, chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao, trừ trường hợp có giải trình được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- c) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- d) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
- e) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- f) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 20. Quy trình hoạt động của Bộ máy điều hành

1. Để hoạt động của Bộ máy điều hành có hiệu quả, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm ban hành quy trình hoạt động của Bộ máy điều hành bao gồm nhưng không hạn chế những nội dung sau:

- a) Số lượng các cuộc họp định kỳ (do Tổng giám đốc chủ trì hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền chủ trì - gọi chung là cuộc họp của Tổng giám đốc);
- b) Thủ tục tổ chức và tiến hành các cuộc họp của Tổng giám đốc;
- c) Triệu tập, nội dung, tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Tổng giám đốc;
- d) Thủ tục ra quyết định trong các cuộc họp của Tổng giám đốc và ký tất cả các văn bản, quyết định và biên bản cuộc họp của Tổng giám đốc;
- e) Hình thức và thời hạn thông báo họp;
- f) Thư ký cuộc họp, biên bản các cuộc họp của Tổng giám đốc và chế độ lưu trữ;

2. Cuộc họp của Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp (Trừ những cuộc họp, trao đổi trực tiếp giữa Tổng giám đốc với Phó Tổng giám đốc, với Kế toán trưởng...). Việc vắng mặt của các thành viên phải có lý do chính đáng và được chấp thuận.

3. Các thành viên Bộ máy điều hành có trách nhiệm báo cáo đầy đủ theo yêu cầu về các vấn đề được phân công đảm nhiệm và đề xuất giải pháp nhưng phải thực hiện chỉ đạo và kết luận của Tổng giám đốc. Nếu có ý kiến khác, có quyền bảo lưu hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị Công ty bằng văn bản.

Điều 21. Chế độ lương thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy điều hành

1. Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thưởng của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành chính sách/quy chế về lương thưởng và các lợi ích khác cho các cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 22. Đánh giá năng lực hoạt động của Bộ máy điều hành

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy định về đánh giá năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với thành viên Bộ máy điều hành. Quy định này phải bao gồm tối thiểu các nội dung: phương pháp, tần suất, cách thức, trình tự đánh giá.

2. Hội đồng quản trị cũng có thể dựa vào: (i) các bản tự đánh giá hoạt động của các thành viên Bộ máy quản lý điều hành và (ii) ý kiến đánh giá của Tổng giám đốc đối với thành viên Bộ máy điều hành đó.

CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Về tổ chức, quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ban kiểm soát

Việc tổ chức, quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát do Ban kiểm soát Công ty ban hành.

CHƯƠNG VI QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Điều 24. Nguyên tắc làm việc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 25. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát

1. Khi cần tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm nhưng không giới hạn ở:

a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;

b) Biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc;

d) Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;

e) Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;

f) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

Và được cung cấp theo nguyên tắc sau: Tài liệu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được gửi đến Ban kiểm soát vào cùng thời điểm gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trong quan hệ với Bộ máy quản lý điều hành của Công ty: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát theo trình tự, thủ tục cụ thể như sau:

a) Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc và thành viên quản lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

b) Đối với hoạt động của Tổng giám đốc và bộ máy quản lý điều hành, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện quyết định của Tổng giám đốc.

c) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ.

d) Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

4. Trong quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

b) Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Công ty thì thành viên Ban kiểm soát kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn thì Trưởng Ban kiểm soát trao đổi với Hội đồng quản trị giải quyết, sau đó có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

d) Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

e) Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, Ban kiểm soát phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng mười (10) ngày làm việc.

f) Đối với các hồ sơ, tài liệu khác mà Hội đồng quản trị gửi đến Ban kiểm soát để có ý kiến thì Ban kiểm soát sẽ phản hồi trong vòng năm (5) ngày làm việc.

Điều 26. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Phối hợp với Ban kiểm soát:

a) Chương trình, nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi cho Tổng giám đốc) trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày ban hành nghị quyết.

c) Đối với đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng năm (5) ngày làm việc.

2. Phối hợp với Bộ máy quản lý điều hành của Công ty:

a) Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là bốn mươi lăm (45) ngày.

b) Khi Hội đồng quản trị thực hiện ủy quyền cho nhân viên cấp dưới của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Bộ máy quản lý điều hành, việc ủy quyền này cần bảo đảm: (i) nội dung phải được thể hiện qua nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị; (ii) được gửi bản chính đến Tổng giám đốc và thông tin đến Người phụ trách quản trị Công ty, và (iii) đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.

c) Các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng bảy (7) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do các bên thống nhất.

d) Các quyết định tạm đình chỉ quyết định của Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi bảo đảm hoặc trao tay có sự chứng kiến của Thư ký Công ty.

e) Hội đồng quản trị sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Công ty để phục vụ công việc của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc có trách nhiệm bảo đảm chuẩn bị nhân sự và trang thiết bị cho Hội đồng quản trị khi nhận được thông báo yêu cầu.

f) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

g) Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề xuất, kiến nghị.

h) Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc giao dịch trọng yếu, Hội đồng quản trị phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc.

i) Đối với các báo cáo đánh giá Tổng giám đốc và thành viên Bộ máy quản lý điều hành, Hội đồng quản trị phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý.

j) Trong trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị có mời thành viên Ban kiểm soát, thành viên Bộ máy quản lý điều hành hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất năm (5) ngày.

k) Các nội dung được gửi nhằm để lấy ý kiến của Tổng giám đốc: mức lương và lợi ích khác của Người quản lý, các nội dung nhân sự phải được gửi trước ít nhất là ba (3) ngày làm việc.

Điều 27. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy điều hành

1. Trong quan hệ với Hội đồng quản trị: Tổng giám đốc và các thành viên Bộ máy quản lý điều hành là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Công ty.

a) Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc bất khả kháng nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định đó.

b) Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản.

c) Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc gửi Tờ trình kèm theo hồ sơ, tài liệu đến Hội đồng quản trị một cách sớm nhất.

2. Trong quan hệ với Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên Bộ máy điều hành có trách nhiệm tiếp thu, giải trình và phối hợp trong công tác.

Điều 28. Báo cáo của Ban điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) hoặc khi có yêu cầu.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền (thông qua truyền đạt của Tổng giám đốc hoặc bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị) yêu cầu các thành viên Ban điều hành và trưởng, phó các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 29. Kiểm điểm việc thực hiện thông báo, kết luận, nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành

1. Định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm), Tổng giám đốc phải tổ chức họp Ban điều hành Công ty để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các thông báo, kết luận, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp phải lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban điều hành.

Điều 30. Các vấn đề Ban điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Kết quả thực hiện các thông báo, kết luận, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty; kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Báo cáo hoạt động điều hành Công ty, trong đó có cung cấp chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế tiếp.

4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

5. Kiến nghị số lượng cán bộ quản lý, các chức danh khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định chính sách về công tác cán bộ quản lý.

6. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, chính sách và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.

7. Chuẩn bị và đệ trình để Hội đồng quản trị thông qua các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

8. Tất cả thông tin, báo cáo đều được thực hiện bằng văn bản chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 31. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo cơ chế hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức.

3. Trường hợp cấp bách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có thể thông tin ngay (bằng gặp gỡ, điện thoại, email...) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hay Trưởng Ban kiểm soát hay Tổng giám đốc hay cả ba người để được giải quyết.

CHƯƠNG VII
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 56 của Điều lệ Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 34. Giao dịch với cổ đông, Người quản lý Công ty và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ Công ty;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu

quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 của Điều lệ Công ty.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 35. Công khai các lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện

quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 36. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

- a) Điều lệ Công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 37. Đánh giá hoạt động

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên của Bộ máy quản lý điều hành.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của các nhân sự Bộ máy quản lý điều hành với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị thực hiện. Khi đánh giá hoạt động, Tổng giám đốc không được tham gia đánh giá với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị (nếu Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị).

6. Việc đánh giá các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác được thực hiện theo quy định do Tổng giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 38. Khen thưởng

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 37 của Quy chế này.

Điều 39. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu về sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và làm tròn bổn phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 41. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị công ty tổ chức.

CHƯƠNG X SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản thi hành

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, các cổ đông và cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cá nhân, đơn vị báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng văn bản để tổng hợp trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Cường

BẢN SO SÁNH NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

(Đính kèm Tờ trình số 494/TTr-HĐQT ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị
về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
1	Phần căn cứ	<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</u></p> <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung;</u></p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán <u>và các văn bản sửa đổi bổ sung;</u></p>	Bổ sung để mở rộng tham chiếu đến các văn bản sửa đổi bổ sung của Luật, Nghị định
2	Khoản 1 Điều 1	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh:</p> <p>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh:</p> <p>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, <u>bổ nhiệm,</u> miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo</p>	Bổ sung để bao gồm quy trình bổ nhiệm Tổng giám đốc

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.	quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.	
3	Điểm a khoản 1 Điều 2	- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo, kiểm soát Công ty có hiệu quả.	<u>- Hội đồng quản trị lãnh đạo, Ban kiểm soát kiểm soát</u> Công ty có hiệu quả.	Sửa đổi vì Ban kiểm soát không có chức năng lãnh đạo Công ty.
4	Điểm h khoản 1 Điều 2	h) “Người quản lý Công ty” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	h) “Người quản lý Công ty” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</u>	Bổ sung để đồng nhất với Điều lệ
5	Điểm i khoản 1 Điều 2		<u>i) “Người điều hành Công ty” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;</u>	Bổ sung để đồng nhất với Điều lệ
6	Điểm m, khoản 1 Điều 2		m) “ <u>Luật Doanh nghiệp</u> ” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;	Bổ sung để đồng nhất với Điều lệ
7	Điểm n, khoản 1 Điều 2		n) “ <u>Luật Chứng khoán</u> ” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;	Bổ sung để đồng nhất với Điều lệ
8	Điểm k, n, khoản 1 Điều 3	k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; ... n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy	k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động <u>của</u> Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; ... n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của <u>Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ</u>	- Bổ sung để phù hợp với tên của quy chế thực tế - Điều chỉnh lại để mở rộng phạm vi các văn bản tham chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		định quản lý nội bộ của Công ty.	<u>của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u>	
9	Khoản 2 Điều 3	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận tại cuộc họp và thông qua các vấn đề sau:	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:	Bỏ từ “tại cuộc họp” để không dẫn tới việc hiểu cần phải họp trực tiếp mà không được lấy ý kiến các nội dung sau đó
10	Điểm q, khoản 2 Điều 3 (cũ)	q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 55 Điều lệ Công ty với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;		Lược bỏ do trùng lặp nội dung (sửa tương ứng Điều 21 Điều lệ)
11	Điểm q, khoản 2 Điều 3	r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 55 Điều lệ Công ty;	q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 55 Điều lệ Công ty;	Sửa lại để đúng số Điều dẫn chiếu, đã bỏ điểm trước đó do trùng lặp nội dung (sửa tương ứng Điều 21 Điều lệ)
12	Điểm r, khoản 2 Điều 3	s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;	r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;	Điều chỉnh để phù hợp với tên của các quy chế trong thực tế
13	Khoản 1 Điều 4	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty và theo quy định của	Bổ sung để bao hàm cả các đối tượng là BKS và nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>pháp luật.</u>	
14	Điểm b, Khoản 2 Điều 4		<u>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</u>	
15	Điểm c, d, f, h, Khoản 2 Điều 4	b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; g) Các công việc khác phục vụ đại hội.	<u>c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;</u> <u>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</u> <u>f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;</u> <u>h) Các công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	Sửa tương ứng Điều 24 Điều lệ
16	Điểm d, Khoản 5 Điều 4	d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ <u>Công ty</u> và các quy chế, <u>quy định nội bộ</u> của Công ty.	
17	Điểm a, Khoản 1, Điều 5		<u>a) Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách Cổ Đông (“Ban kiểm tra tư cách cổ đông”). Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm thủ tục đăng ký tại vị trí đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự</u>	Bổ sung để chi tiết phần thủ tục đăng ký

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<p><u>cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền, kiểm tra thư /thông báo mời họp, văn bản uỷ quyền (nếu có) và các giấy tờ, tài liệu xác thực khác theo quy định của từng lần họp Đại hội đồng cổ đông hoặc khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông xét thấy cần thiết.</u></p> <p><u>Trong trường hợp cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền không đáp ứng yêu cầu về tư cách cổ đông thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc tham dự đại hội của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền đó. Nếu có phát sinh vấn đề vượt quá thẩm quyền, Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa để xử lý.</u></p>	<p>Bổ sung để xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền Ban kiểm tra tư cách cổ đông</p>
18	Điểm d khoản 1 Điều 5		<p><u>d) Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty, Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp, các văn bản hướng dẫn của</u></p>	<p>Bổ sung theo Quy chế mẫu</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Người triệu tập hoặc ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông có thể áp dụng các phương thức khác nhau để cổ đông khai báo và xác nhận việc uỷ quyền cho người đại diện phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật.</u>	
19	Điểm e khoản 1 Điều 5		<u>e) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty, Điều 145 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành .</u>	Bổ sung theo Quy chế mẫu
20	Khoản 5 Điều 5	5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;	5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến <u>theo hình thức quy định tại khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty.</u> Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;	Bổ sung để dẫn chiếu các hình thức biểu quyết theo Quy định tại Điều lệ
21	Khoản 10 Điều 5	10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày	10. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định hình thức họp trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tuyến và trực tiếp hoặc các hình thức khác phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy thời điểm.</u> Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp	Bổ sung cho tương đồng Khoản 10 Điều 26 Điều lệ

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	trực tuyến, Công ty có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
22	Khoản 1 Điều 6	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>hoặc các hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u>	Bổ sung để mở tương đồng với Điều lệ.
23	Khoản 1 Điều 7	Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau	<u>Điều 7. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u> <u>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;</u>	Đây là Điều 9 cũ đã được bổ sung nội dung, sửa tên và chuyển lên Điều 7 để phù hợp Quy chế mẫu và Điều 12 Điều lệ.

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 27 Điều lệ Công ty.</p>		
24	Khoản 2, 3 Điều 7	<p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p><u>2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này;</u></p> <p><u>3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông</u></p>	Sửa tương đồng theo Điều 12 Điều lệ

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>lựa chọn 01 tổ chức định giá và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</u>	
25	Khoản 1, 8 Điều 9	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ Công ty;</p> <p>...</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này;</p> <p>...</p> <p>8. Nghị quyết <u>Đại hội đồng cổ đông</u> được thông qua <u>dưới</u> hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</u></p>	<p>- Do nội dung tương đương nên dẫn chiếu trực tiếp về Quy chế thay vì Điều lệ</p> <p>- Tương ứng với khoản 4 Điều 27 Điều lệ, bổ sung khoản này để đầy đủ nội dung theo Quy chế mẫu</p>
26	Khoản 9 Điều 9		<u>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	Bổ sung tương ứng Điều lệ
27	Khoản 1 Điều 10		<u>Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</u> <u>Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến trong các trường hợp</u>	Bổ sung theo Quy chế mẫu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<p><u>Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp.</u></p> <p><u>Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành văn bản phù hợp để hướng dẫn/quy định chi tiết/điều chỉnh một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức nêu trên đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p><u>1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</u></p> <p><u>Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp Quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này.</u></p> <p><u>Ngoài ra, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập hoặc ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.</u></p>	
28	Khoản 2 Điều		<p><u>2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội</u></p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
	10		<p><u>đồng cổ đông trực tuyến.</u></p> <p><u>a) Cổ Đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn đã được gửi cho cổ đông và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Theo đó, cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn đã được công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách cổ đông để tham dự họp.</u></p> <p><u>b) Cổ đông chỉ được xem là tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi đã đăng nhập và thực hiện thủ tục theo quy định tại Quy chế tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đó.</u></p> <p><u>c) Ban tổ chức sẽ cung cấp cho các cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ cổ đông truy cập và tham gia cuộc họp.</u></p>	<p>Để đảm bảo tính linh hoạt đối với từng cuộc họp (áp dụng theo Quy chế dành cho cuộc họp đó)</p>
29	Khoản 3, 4, 5 Điều 10		<p><u>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</u></p> <p><u>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.</u></p> <p><u>4. Điều kiện tiến hành</u></p> <p><u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</u></p>	<p>Bổ sung để đầy đủ nội dung theo Quy chế mẫu</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<p><u>được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.</u></p> <p><u>5. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến</u></p> <p><u>Người triệu tập họp hoặc ban tổ chức sẽ chuẩn bị hệ thống, thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào hệ thống hoặc trang thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các cổ đông trước mỗi lần họp.</u></p>	
30	Khoản 6 Điều 10		<p><u>6. Cách thức kiểm phiếu</u></p> <p><u>Ban tổ chức sẽ áp dụng các hệ thống, công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc người đại diện theo uỷ quyền đã biểu quyết bằng hình thức biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức khác theo</u></p>	Để mở để hội nghị trực tuyến nhưng không vote điện tử hoặc có thể nhận vote bằng hình thức mail, fax, thư

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>quy định của Người triệu tập họp hoặc ban tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</u>	
31	Khoản 7,8 Điều 10		<u>7. Thông báo kết quả kiểm phiếu</u> <u>Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.</u> <u>8. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</u> <u>Thực hiện theo cách thức và nội dung như quy định tại Điều 6 và Điều 8 của Quy chế này.</u>	Bổ sung để đầy đủ nội dung theo Quy chế mẫu
32	Điều 11		<u>Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</u> <u>Bên cạnh hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp hoặc trực tuyến, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến trong các trường hợp Hội đồng quản trị xét thấy phù</u>	Bổ sung theo Quy chế mẫu, Khoản 5 để mở để cho các trường hợp nhận vote bằng hình thức mail, fax, thư

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<p><u>hợp.</u></p> <p><u>Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành văn bản phù hợp để hướng dẫn/quy định chi tiết/điều chỉnh một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức nêu trên đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p><u>1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.</u></p> <p><u>Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp Quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này. Ngoài ra, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến, người triệu tập hoặc ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến/trực tiếp và chuẩn bị, bố trí các</u></p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<p><u>thiết bị phù hợp tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.</u></p> <p><u>2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.</u></p> <p><u>a) Đối với các cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại địa điểm diễn ra cuộc họp như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.</u></p> <p><u>b) Đối với các cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này.</u></p> <p><u>3. Điều kiện tiến hành</u></p> <p><u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.</u></p> <p><u>4. Cách thức bỏ phiếu</u></p> <p><u>Cổ đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức: (i) bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp, (ii) bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác hoặc (iii) các cách thức khác theo quy định của Người triệu tập họp hoặc ban tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Sửa đổi theo đúng Điều khoản được dẫn chiếu</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<p><u>5. Cách thức kiểm phiếu</u> <u>Ban tổ chức sẽ áp dụng các hệ thống, công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc người đại diện theo uỷ quyền đã biểu quyết bằng hình thức biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức khác theo quy định của Người triệu tập họp hoặc ban tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</u></p> <p><u>6. Thông báo kết quả kiểm phiếu</u> <u>Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.</u></p> <p><u>7. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</u> <u>Thực hiện theo cách thức và nội dung như quy định tại Điều 6 và Điều 8 của Quy chế này.</u></p>	
33	Điều 12		<u>Điều 12. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ</u>	Bổ sung theo Quy chế mẫu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>đồng khác</u> <u>Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức khác do Người triệu tập họp quyết định tùy vào từng thời điểm nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định, quy chế khác có liên quan.</u>	
34	Điều 13	Điều 10. Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị hoạt động theo Quy chế hoạt động do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.	Điều 13. Về tổ chức <u>quyền, nghĩa vụ</u> và hoạt động của Hội đồng quản trị <u>Việc tổ chức, quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.</u>	Sửa tên và nội dung để bao quát các đầu nội dung được liệt kê trong QC mẫu được chuyển sang QC HĐQT mà không nêu trực tiếp tại QC này
35	Điều 14	Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều <u>14</u> . Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
36	Điều 15	Điều 12. Người phụ trách quản trị Công ty	Điều <u>15</u> . Người phụ trách quản trị Công ty	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
37	Điểm i, j khoản 3 Điều 15	i) Bảo mật thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này; j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của	i) Bảo mật thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ <u>Công ty</u> ; j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của	Sửa chính tả và mở rộng phạm vi văn bản tham chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		pháp luật, Điều lệ này và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.	
38	Điều 16	Điều 13. Tổ chức bộ máy điều hành	Điều 16 . Tổ chức bộ máy điều hành	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
39	Điều 17, khoản 2 Điều 17	Điều 14. Người điều hành Công ty ... 2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	Điều 17 . Người điều hành Công ty ... 2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	- Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới. - Sửa để phù hợp định nghĩa
40	Điều 18	Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 18 . Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
41	Điểm d khoản 4 Điều 18	d) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty theo phân cấp, ủy quyền, yêu cầu, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch	d) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty theo phân cấp, ủy quyền, yêu cầu, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại	Lược bỏ nội dung Phó chủ tịch HĐQT để phù hợp với thực tế

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật khác của Công ty;	diện theo pháp luật khác của Công ty;	
42	Khoản 6, 7 Điều 18	<p>6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các chỉ đạo, yêu cầu, kết luận của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p> <p>7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và ký kết hợp đồng, bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một Người quản lý doanh nghiệp hoặc một Người điều hành doanh nghiệp khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc.</p>	<p>6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các chỉ đạo, yêu cầu, kết luận của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty</p> <p>7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và ký kết hợp đồng, bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ <u>cho một Người quản lý Công ty hoặc một Người điều hành Công ty khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc.</u></p>	<p>- Sửa lỗi chính tả</p> <p>- Sửa lại tương đồng với Điều 45 Điều lệ.</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
43	Điều 19	Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	Điều 19 . Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	
44	Điểm b khoản 1 Điều 19	b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;	b) Không phải là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty, Thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;	Điều chỉnh để thống nhất với định nghĩa
45	Điểm f, Khoản 3 Điều 19	f) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty	f) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.	Điều chỉnh lại để mở rộng phạm vi các văn bản tham chiếu
46	Điều 20	Điều 17. Quy trình hoạt động của Bộ máy điều hành	Điều 20 . Quy trình hoạt động của Bộ máy điều hành	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
47	Khoản 2 và 3 Điều 20	<p>2. Cuộc họp của Tổng giám đốc và Bộ máy quản lý điều hành chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp (Trừ những cuộc họp, trao đổi trực tiếp giữa Tổng giám đốc với Phó Tổng giám đốc, với Kế toán trưởng...). Việc vắng mặt của các thành viên phải có lý do chính đáng và được chấp thuận.</p> <p>3. Các thành viên Bộ máy quản lý điều hành có trách nhiệm báo cáo đầy đủ theo yêu cầu về các vấn đề được phân công đảm nhiệm và đề xuất giải pháp nhưng phải thực hiện chỉ đạo và kết luận của Tổng giám đốc. Nếu có ý kiến khác, có quyền báo</p>	<p>2. Cuộc họp của Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp (Trừ những cuộc họp, trao đổi trực tiếp giữa Tổng giám đốc với Phó Tổng giám đốc, với Kế toán trưởng...). Việc vắng mặt của các thành viên phải có lý do chính đáng và được chấp thuận.</p> <p>3. Các thành viên Bộ máy điều hành có trách nhiệm báo cáo đầy đủ theo yêu cầu về các vấn đề được phân công đảm nhiệm và đề xuất giải pháp nhưng phải thực hiện chỉ đạo và kết luận của Tổng giám đốc. Nếu có ý kiến khác, có quyền</p>	Bỏ từ quản lý để thống nhất và tránh hiểu nhầm với người quản lý công ty/doanh nghiệp đã bao gồm cả HĐQT

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		lưu hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị Công ty bằng văn bản.	bảo lưu hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị Công ty bằng văn bản.	
48	Điều 21	Điều 18. Chế độ lương thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy điều hành	Điều 21 . Chế độ lương thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy điều hành	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
49	Điều 22	Điều 19. Đánh giá năng lực hoạt động của Bộ máy điều hành	Điều 22 . Đánh giá năng lực hoạt động của Bộ máy điều hành	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
50	Điều 23	Điều 20. Hoạt động của Ban kiểm soát Ban kiểm soát hoạt động theo Quy chế hoạt động do Ban kiểm soát Công ty ban hành.	Điều 23 . Về tổ chức, quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ban kiểm soát <u>Việc tổ chức, quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát do Ban kiểm soát Công ty ban hành.</u>	Bổ sung để đầy đủ nội dung theo Quy chế mẫu
51	Khoản 1 Điều 24	Điều 21. Nguyên tắc làm việc 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Bộ máy quản lý điều hành chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, thúc đẩy sự phát triển của Công ty.	Điều 24 . Nguyên tắc làm việc 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và <u>Bộ máy điều hành</u> chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, thúc đẩy sự phát triển của Công ty.	Bỏ từ quản lý để thống nhất và tránh hiểu nhầm với người quản lý công ty/doanh nghiệp đã bao gồm cả HĐQT
52	Điều 25	Điều 22. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát	Điều 25 . Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
53	Điều 26	Điều 23. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động	Điều 26 . Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động	Sửa tên điều theo nội dung

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		của Hội đồng quản trị	của Hội đồng quản trị	sửa đổi/bổ sung mới.
54	Điều 27	Điều 24. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy điều hành	Điều 27 . Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy điều hành	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
55	Điều 28	Điều 25. Báo cáo của Ban điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	Điều 28 . Báo cáo của Ban điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
56	Điều 29	Điều 26. Kiểm điểm việc thực hiện thông báo, kết luận, nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành	Điều 29 . Kiểm điểm việc thực hiện thông báo, kết luận, nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
57	Điều 30	Điều 27. Các vấn đề Ban điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Điều 30 . Các vấn đề Ban điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
58	Điều 31	Điều 28. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành	Điều 31 . Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
59	Điều 32	Điều 29. Trách nhiệm của người quản lý Công ty	Điều 32 . Trách nhiệm của người quản lý Công ty	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
60	Điều 33	Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 33 . Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Tương đương Điều 54 Điều lệ, Công ty xem xét trích dẫn từ Điều lệ để nếu sửa đổi điều lệ không phải sửa lại tại đây

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
61	Điểm a, b, Khoản 4 Điều 34	<p>Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</p> <p>4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p>	<p>Điều 34. Giao dịch với cổ đông, <u>Người quản lý Công ty</u> và người có liên quan của các đối tượng này</p> <p>4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa</p>	<p>Bổ sung một loạt nội dung “Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng” để đầy đủ Người quản lý Công ty</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ Công ty; 	<p>Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ Công ty; 	
62	Khoản 5 Điều 34	Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm c khoản 4 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng	Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, <u>giao dịch quy định tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u> Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa lại cho dẫn chiếu đến đúng đối tượng - ND 245 đã bãi bỏ việc HĐQT có thể thông qua giao dịch tại Điểm c, khoản 3 - Thống nhất điều chỉnh “các hợp đồng...” → “các bên trong hợp đồng...” tương ứng với Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	
63	Khoản 6 Điều 34	6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 27 của Điều lệ Công ty.	6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 3 , khoản 4 Điều 27 của Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh để đúng dẫn chiếu Điều khoản
64	Điều 35	Điều 32. Công khai lợi ích có liên quan	Điều 35 . Công khai các lợi ích có liên quan	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
65	Khoản 1 Điều 35	1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.	1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại <u>khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán</u> và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty. Người <u>phụ trách</u> quản trị Công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.	Sửa do Luật chứng khoán quy định về các đối tượng này đã bao gồm cả Luật doanh nghiệp, và để tương ứng với Điều lệ
66	Khoản 2 Điều 35	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty (gồm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị) phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: ...	2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng</u> phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: ...	Đã chốt các chức danh là Người quản lý Công ty, vì vậy bổ sung trực tiếp “Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng” tại đây
67	Điều 36	Điều 33. Công khai thông tin	Điều <u>36</u> . Công khai thông tin	-Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới
68	Khoản 2, 3 Điều 36	2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây: a) Điều lệ Công ty; b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty;	2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây: a) Điều lệ Công ty; b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên ban Kiểm soát</u> , Tổng giám	Sửa để phù hợp với định nghĩa và mở rộng phạm vi tham chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	độc Công ty; c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán <u>và theo quy định của pháp luật hiện hành.</u>	
69	Điều 37	Điều 34. Đánh giá hoạt động	Điều 37 . Đánh giá hoạt động	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
70	Điều 38	Điều 35. Khen thưởng Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 29 của Quy chế này.	Điều 38 . Khen thưởng Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 37 của Quy chế này.	- Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới. - Sửa lại để đúng số Điều dẫn chiếu
71	Điều 39	Điều 36. Kỷ luật	Điều 39 . Kỷ luật	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
72	Khoản 1,2,3 Điều 40	Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của	Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát , Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do	- Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới. - Sửa “Kiểm soát viên” thành “Thành viên Ban kiểm soát” để thống nhất với định nghĩa.

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành Công tydoanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do</p>	<p>hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành Công tydoanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban kiểm soát</u>, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan</p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.	trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.	
73	Điều 41	Điều 38. Đào tạo về quản trị công ty	Điều 41 . Đào tạo về quản trị công ty	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
74	Sửa số chương X	CHƯƠNG XX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ	CHƯƠNG X SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ	Sửa số chương phù hợp
75	Điều 42	Điều 39. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị	Điều 42 . Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.
76	Sửa số chương XI	CHƯƠNG XXI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ	CHƯƠNG XI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ	Sửa số chương phù hợp
77	Điều 43	Điều 40. Điều khoản thi hành	Điều 43 . Điều khoản thi hành	Sửa tên điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới.

PHỤ LỤC 3:

(Đính kèm tờ trình số 494/TTr-HĐQT ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-CSG ngày tháng năm 2026
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ-CSG ngày .../.../2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại kỳ họp thường niên năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Quy chế này nằm trong hệ thống các quy chế nội bộ được áp dụng thống nhất trong Công ty. Các vấn đề khác liên quan đến Hội đồng quản trị không được nêu trong Quy chế này sẽ áp dụng theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Bộ máy giúp việc và Thư ký Công ty, người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác.

b) Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty.

c) Các công ty TNHH một thành viên do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

d) Các công ty có cổ phần, vốn góp của Công ty.

Điều 2. Vai trò của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thực hiện quyền quản lý hoặc chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty; có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và bảo đảm lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về lĩnh vực công việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về các nghị quyết, quyết định trong quá trình hoạt động và phát triển Công ty; thành viên phản đối thông qua các quyết định trên được xem xét miễn trừ trách nhiệm.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ, BẦU VÀ MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên; sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 06 ứng cử viên; sở hữu từ 70% đến 80% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 07 ứng cử viên; và sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 08 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty và Điều 6 Quy chế này.

Điều 5. Thành phần và nhiệm kỳ hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 07 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc để bảo đảm công tác quản lý điều hành Công ty không bị gián đoạn.

4. Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bảo đảm có tối thiểu 02 thành viên độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của: Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ. Khái niệm người có quan hệ gia đình trong Quy chế này được hiểu và áp dụng theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty (nếu có) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ Công ty;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Điều lệ Công ty

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị theo tháng, quý, năm;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, trừ các nội dung cần phải tổ chức họp Hội đồng quản trị để thảo luận;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết, kết luận của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để chỉ đạo, xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;
- g) Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;
- j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty; các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành..

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, mục tiêu hoạt động, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm và ngân sách hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty;

g) Quyết định đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn các dự án, mua sắm, sửa chữa duy tu, nạo vét và các khoản chi đột xuất, cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thông qua) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị quyết định đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Đối với những dự án, mua sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị phải báo cáo tại cuộc Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

h) Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 3 Điều 55 Điều lệ Công ty; Quyết định các khoản bảo lãnh cho công ty con có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

j) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quyết định ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

l) Cử người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện vốn của Công ty tham gia hoặc ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, cử người tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát hoặc cử Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này theo đề nghị của Tổng giám đốc;

n) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc và tương đương, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương;

o) Phê duyệt Chương trình hành động của Tổng giám đốc để thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; phê duyệt Kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm của Ban điều hành Công ty;

p) Giao nhiệm vụ và đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở chi trả lương, thưởng đối với Tổng giám đốc;

q) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo, bộ nhận diện thương hiệu của Công ty;

r) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty; vay, cho vay; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Quyết định việc huy động vốn, vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty theo thẩm quyền;

v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

w) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

x) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội

đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập (nếu có) về hoạt động của Hội đồng quản trị.

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

h) Các kế hoạch trong tương lai của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

f) Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có) của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Người điều hành Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

Hội đồng quản trị thực hiện phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 55 Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 15. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được phân công, ủy quyền theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của Công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên được quy định trong các văn bản thuộc từng lĩnh vực hoạt động của Công ty. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thành viên được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm phản ánh với Chủ tịch Hội đồng quản trị để thống nhất hướng giải quyết.

2. Hội đồng quản trị phê duyệt phương án phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị và việc thay đổi, bổ sung,

điều chỉnh nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời điểm để đáp ứng yêu cầu quản lý Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách các mặt công tác không phân công cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương, được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, lương và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao, lương, thưởng của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

**CHƯƠNG IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 17. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị được xây dựng theo tháng, quý, theo các kỳ họp và hàng năm theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu công tác của Công ty.

2. Căn cứ vào nghị quyết, chương trình công tác của Hội đồng quản trị và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị và việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc bầu Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trừ các cuộc họp nội bộ của Hội đồng quản trị. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến và/hoặc các hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp, phiếu biểu quyết của thành viên và hướng dẫn tham dự/biểu quyết tại cuộc họp (nếu có).

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Các hình thức và phương tiện khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến nội dung cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
- b) Các thành viên Hội đồng quản trị xem xét biểu quyết các nội dung xin ý kiến theo thời hạn được ghi trong Phiếu lấy ý kiến và gửi lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi ý kiến biểu quyết cho bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị thông qua email, hệ thống văn phòng điện tử Công ty (PO) hoặc các hình thức trao đổi trực tuyến khác; Bản giấy của Phiếu lấy ý kiến sau đó được gửi về Công ty để phục vụ công tác lưu trữ hồ sơ theo quy định;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì lập Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị. Nội dung chủ yếu của Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị tương tự như Biên bản họp Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty;
- d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị về nội dung xin ý kiến.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nêu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp và tính hợp lệ của việc biểu quyết tại cuộc họp, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Sau thời hạn này, nếu các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến thì coi như đã đồng ý với biên bản. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi dự thảo biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị để thống nhất nội dung biên bản trước khi ký.

Điều 20. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua nội dung tài liệu cuộc họp do Bộ phận giúp việc chuẩn bị để gửi đến các thành viên dự họp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều hành cuộc họp theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và tuân thủ các quy định nêu tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

3. Chủ tọa phiên họp là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền trình bày Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các công việc khác; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc đề Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề đang được xem xét tại phiên họp. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu theo một hoặc nhiều phương thức quy định tại khoản 9, 10 Điều 18 Quy chế này hoặc giơ tay.

CHƯƠNG V

BỘ PHẬN GIÚP VIỆC VÀ ĐIỀU KIỆN, KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 22. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông. Tham mưu, giúp việc, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị giao.

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

d) Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan của Công ty;

i) Bảo mật thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 23. Phân cấp cụ thể trong một số lĩnh vực quan trọng

Căn cứ vào lĩnh vực, quy mô và tính chất công việc, Hội đồng quản trị thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định một số vấn đề. Việc phân cấp, ủy quyền cụ thể trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán, tổ chức nhân sự và lĩnh vực khác sẽ được quy định trong Quy chế tài chính và các Quy chế khác của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Chế độ hội họp và đi công tác

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham gia các cuộc họp của Công ty, các chi nhánh, các đơn vị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể tham dự được, có thể phân công cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể và thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để điều chỉnh kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Chương trình công tác hàng tuần của Chủ tịch Hội đồng quản trị được thể hiện trên lịch công tác tuần của Công ty để các bộ phận và cán bộ quản lý liên hệ công tác.

Điều 25. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

Phòng làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được đặt tại Trụ sở chính của Công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị được áp dụng theo quy định chung của Công ty.

Điều 26. Kinh phí hoạt động Hội đồng quản trị

1. Tại kỳ họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông trích một khoản kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc sử dụng kinh phí được quyết toán trong báo cáo tài chính hàng năm và phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

a) Phục vụ công việc quản lý.

b) Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá định mức công tác phí theo quy định của Công ty.

3. Chi phí hoạt động để phục vụ cho nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được thanh toán dựa trên chứng từ, hóa đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật và của Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Nguyên tắc phối hợp công tác

Việc phối hợp công tác của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị với các bộ phận quản lý khác của Công ty cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của Công ty.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần cẩn trọng, trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh.

Điều 28. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 29. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 30. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và Bộ máy giúp việc

Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty. Mối quan hệ của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và Bộ máy giúp việc được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

a) Lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành; Tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng giám đốc và Bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Bổ nhiệm, tuyển dụng và duy trì ổn định các thành viên Ban điều hành có trình độ năng lực và đạo đức tốt cho Công ty; đồng thời kịp thời bãi nhiệm những thành viên Ban điều hành không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

3. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn, đồng thời chịu trách nhiệm về những hoạt động đó.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được phân công dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

5. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị có thể quyết định mời các Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng/ban/đơn vị chuyên môn, lãnh đạo các chi nhánh có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến.

6. Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

7. Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không trễ hơn hai tư (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

8. Định kỳ hàng quý, sáu (06) tháng, hàng năm, Tổng giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị, cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời. Ngoài ra, theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty có trách nhiệm báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến lĩnh vực công việc được phân công, phụ trách, thực hiện.

9. Mọi văn bản do Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc ký ban hành đều phải gửi cho Hội đồng quản trị để giám sát việc thực hiện.

10. Hội đồng quản trị phân công từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành chỉ đạo tổ chức họp sơ kết hàng quý để các Giám đốc Chi nhánh báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao quý trước và kế hoạch triển khai công việc, nhiệm vụ trong quý tiếp.

11. Hàng tháng, Hội đồng quản trị tổ chức họp giao ban với Ban điều hành để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thực hiện. Hàng quý, Hội đồng quản trị tổ chức họp với Ban điều hành Công ty để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của quý.

CHƯƠNG VII

BÁO CÁO, CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 31. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 32. Công khai các lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập họp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

2. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

3. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của Điều lệ Công ty;

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 33. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a) Điều lệ Công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn bao gồm 8 chương, 34 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2026.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Cường

**BẢN SO SÁNH NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI
 QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**

*(Đính kèm Tờ trình số 494/TTr-HĐQT ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị
 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn)*

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
1	Phần căn cứ pháp lý	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung:</u> Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung:</u> Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán <u>và các văn bản sửa đổi, bổ sung:</u>	Bổ sung để mở rộng tham chiếu đến các văn bản sửa đổi bổ sung của Luật, Nghị định
2	Khoản 2 Điều 1	2. Đối tượng điều chỉnh:	2. Đối tượng <u>áp dụng:</u>	Sửa đổi để phù hợp với Quy chế mẫu
3	Tên, Khoản 1, 2, 4 Điều 5	Điều 5. Thành phần và thời hạn hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 09 thành viên, trong đó có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với thời	Điều 5. Thành phần và <u>nhiệm kỳ</u> hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là <u>07</u> thành viên. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với <u>số nhiệm kỳ</u> không hạn chế. Một cá nhân chỉ được	- Sửa tên Điều để phù hợp nội dung và tương đồng Điều lệ mẫu - Thống nhất lược bỏ các nội dung “chuyên trách” và “không chuyên trách” trong toàn văn bản

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>hạn không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>...</p> <p>4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải bảo đảm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên chuyên trách không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bảo đảm có tối thiểu 03 thành viên độc lập.</p>	<p>bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>...</p> <p>4. Công ty phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải bảo đảm có tối thiểu 02 thành viên độc lập.</p>	<p>- Điều chỉnh số thành viên HĐQT phù hợp với thực tế</p> <p>- “Số nhiệm kỳ” không hạn chế chứ không phải “thời hạn” không hạn chế (Điều 154 LDN)</p> <p>- Đoạn này sửa theo Khoản 2 Điều 275 NĐ155 đã được sửa đổi bởi NĐ245</p>
4	Khoản 7 Điều 5	Không có	7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	- Bổ sung theo Quy chế mẫu
5	Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 6	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây</p> <p>...</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p>d) Không phải là người có quan hệ gia đình của:</p>	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây</p> <p>...</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ</u></p>	<p>- Sửa “quản lý” → “quản trị” theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Bổ sung theo khoản 3 - Điều 275 NĐ155 (Đã được sửa bởi NĐ245)</p> <p>- Điều chỉnh để phù hợp quy định Điểm d Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		người quản lý công ty mẹ; người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người quản lý, điều hành khác của Công ty. Khái niệm người có quan hệ gia đình trong Điều lệ này được hiểu và áp dụng theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	<u>được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;</u> d) Không phải là người có quan hệ gia đình của: <u>Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</u> Khái niệm người có quan hệ gia đình trong <u>Quy chế</u> này được hiểu và áp dụng theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	
6	Điểm a khoản 2 Điều 6	2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty khi Công ty niêm yết phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liền kề trước đó;	2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty <u>(nếu có)</u> phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm <u>liền</u> trước đó;	- Sửa “Khi công ty niêm yết” => “(nếu có)” để mở trong trường hợp công ty chưa NY nhưng vẫn có nhu cầu có TV độc lập HĐQT
7	Khoản 3 Điều 6	3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng	3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ <u>các tiêu chuẩn và</u> điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo	- Bổ sung cho thống nhất với Khoản 3 Điều 155 LDN

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.	
8	Khoản 1 Điều 8	Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.	Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. <u>Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Điều lệ Công ty.</u>	- Bổ sung để phù hợp với nội dung Quy chế mẫu
9	Tên Điều 9	Điều 9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bỏ chức danh phó chủ tịch HĐQT để phù hợp thực tế
10	Khoản 2 Điều 9 (cũ)	2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.	Lược bỏ	Bỏ nội dung liên quan đến phó chủ tịch HĐQT để phù hợp thực tế
11	Điểm j khoản 3 Điều 9	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:	Để mở hơn văn bản tham chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		... j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty; các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	... j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ Công ty; các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại <u>Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u>	
12	Khoản 5 Điều 9	6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định	Lược bỏ bớt nội dung do trùng lặp với điều trước

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	mới của Hội đồng quản trị.	
13	Điểm g, h, i, k, l, m, p, r, y khoản 2 Điều 10	<p>Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>...</p> <p>g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>h) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 4 Điều 55 Điều lệ này; Quyết định các khoản bảo lãnh cho công ty con có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định đầu tư dự án, mua</p>	<p>Điều 10. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>...</p> <p><u>g) Quyết định đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn các dự án, mua sắm, sửa chữa duy tu, nạo vét và các khoản chi đột xuất, cấp bách phụ vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thông qua) có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Trường hợp dự án đầu tư, khoản đầu tư có giá trị lớn hơn mức này, Hội đồng quản trị quyết định đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Đối với những dự án, mua sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi phát sinh ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị phải báo cáo tại cuộc Đại hội đồng cổ đông gần nhất;</u></p> <p>h) Quyết định <u>mua, thuê mua, bán tài sản</u> có giá</p>	Sửa lại để đúng số Điều dẫn chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>sắm, sửa chữa, duy tu nạo vét và các khoản chi đột xuất cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ngoài kế hoạch hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>...</p> <p>k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;</p> <p>l) Phân công nhiệm vụ, ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách, theo dõi các mặt công tác để thực hiện quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>m) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác;</p>	<p>trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, <u>khoản 3</u> Điều 55 Điều lệ <u>Công ty</u>; Quyết định các khoản bảo lãnh cho công ty con có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>...</p> <p>k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;</p> <p><u>l) Cử người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện vốn của Công ty tham gia hoặc ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, cử người tham gia ứng cử thành viên Ban Kiểm soát hoặc cử Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham dự</u></p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		<p>n) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này theo đề nghị của Tổng giám đốc;</p> <p>...</p> <p>q) Giao nhiệm vụ và đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở chi trả lương, thưởng đối với Tổng giám đốc; chỉ đạo và yêu cầu báo cáo giải trình, kiểm tra, giám sát các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác trong điều hành kinh doanh, hoạt động hằng ngày của Công ty bảo đảm tuân thủ các nghị quyết, quyết định, chủ trương, yêu cầu, chỉ đạo, kết luận của Hội đồng quản trị;</p> <p>...</p> <p>s) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc: quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>....</p> <p>z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.</p>	<p><u>Đại hội đồng cổ đông; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p><u>m) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này theo đề nghị của Tổng giám đốc;</u></p> <p>...</p> <p>p) Giao nhiệm vụ và đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở chi trả lương, thưởng đối với Tổng giám đốc;</p> <p>...</p> <p>r) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty; <u>vay, cho vay; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;</u> ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>...</p> <p>y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
14	Điểm a, d Khoản 3 Điều 10	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty.</p> <p>...</p> <p>d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.</p> <p>...</p> <p>d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	<p>- Điều chỉnh dẫn chiếu phù hợp</p> <p>- Sửa đổi theo khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155, đã được sửa bởi Nghị định số 245</p>
15	Điểm f khoản 2 Điều 11	Không có	<p>Điều 11. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p><u>f) Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có) của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>- Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 280 ND 155, đã được sửa bởi ND 245</p>
16	Khoản 3 Điều 11	Không có	<p><u>3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></p>	<p>- Bổ sung để đầy đủ nội dung như theo QC mẫu</p>

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>được quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty</u>	
17	Khoản 1, 2 Điều 12	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.</p>	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu <u>Người điều hành Công ty</u> cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của <u>các</u> đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. <u>Người điều hành Công ty</u> được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Điều chỉnh “người điều hành doanh nghiệp” → “người điều hành công ty” để thống nhất thuật ngữ toàn văn bản</p> <p>- Sửa người quản lý → Người điều hành Công ty để đồng nhất Điều lệ và các quy định phát luật</p>
18	Điểm c Khoản 1 Điều 13	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ</p>	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 <u>Điều 16 Điều lệ Công ty</u>; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ</p>	Sửa để dẫn chiếu theo Điều lệ

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		đồng có liên quan;	đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	
19	Điều 14	Không có	<u>Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</u> <u>Hội đồng quản trị thực hiện phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 55 Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u>	Bổ sung điều này để đầy đủ theo quy định của QC mẫu
20	Điều 14	Điều 14. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 15.</u> Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự Điều
21	Tên, Khoản 2 Điều 16	Điều 15. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ... 2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương (đối với thành viên chuyên trách), được hưởng thù lao (đối với thành viên không chuyên trách) cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức	<u>Điều 16.</u> Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ... 2. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương, được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, lương và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	- Sửa số thứ tự Điều - Bỏ các nội dung liên quan đến thành viên “chuyên trách” và “không chuyên trách” trong toàn văn bản

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		thù lao, lương và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.		
22	Tên Điều 17	Điều 16. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị	Điều 17. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị	- Sửa số thứ tự Điều
23	Tên Điều 18	Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị và việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị và việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự Điều
24	Khoản 2 Điều 18	2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trừ các cuộc họp nội bộ của Hội đồng quản trị.	2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trừ các cuộc họp nội bộ của Hội đồng quản trị. <u>Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến và/hoặc các hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.</u>	Để mở cho phép các hình thức họp khác nhau tương ứng với khoản 23 Điều 38 Điều lệ
25	Khoản 4 Điều 18	4. Đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của	4. Đề nghị <u>quy định</u> tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm	Sửa “nêu tại” thành “quy định tại” tương ứng với khoản 4 Điều 38 Điều lệ

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		Hội đồng quản trị.	quyền của Hội đồng quản trị.	
26	Khoản 6 Điều 18	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp, và phiếu biểu quyết của thành viên .	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp, <u>phiếu biểu quyết của thành viên và hướng dẫn tham dự/biểu quyết tại cuộc họp (nếu có).</u>	Bổ sung để phục vụ cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, tương ứng khoản 6 Điều 38 Điều lệ
27	Điểm e khoản 9 Điều 18	Không có	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: ... <u>e) Các hình thức và phương tiện khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.</u>	- Mở thêm các hình thức họp khác
28	Điểm b khoản 13 Điều 18	13. Việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: ... b) Các thành viên Hội đồng quản trị xem xét biểu	13. Việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:	Bổ sung theo yêu cầu thực tế

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		quyết các nội dung xin ý kiến theo thời hạn được ghi trong Phiếu lấy ý kiến và gửi lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị	... b) Các thành viên Hội đồng quản trị xem xét biểu quyết các nội dung xin ý kiến theo thời hạn được ghi trong Phiếu lấy ý kiến và gửi lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. <u>Các thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi ý kiến biểu quyết cho bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị thông qua email, hệ thống văn phòng điện tử Công ty (PO) hoặc các hình thức trao đổi trực tuyến khác; Bản giấy của Phiếu lấy ý kiến sau đó được gửi về Công ty để phục vụ công tác lưu trữ hồ sơ theo quy định;</u>	
29	Điều 19	Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị	<u>Điều 19.</u> Biên bản họp Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự Điều
30	Khoản 4 Điều 19	4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.	4. <u>Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.</u> Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.	- Bổ sung theo điều 279 Nghị định 155 - pháp lý ngang nhau → pháp lý như nhau
31	Khoản 5 Điều 19	5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực <u>pháp lý như</u> nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt	Điều chỉnh cho đồng nhất khoản 5 Điều 39 Điều lệ

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
			<u>được</u> áp dụng.	
32	Khoản 6 Điều 19	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi dự thảo biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị để thống nhất nội dung biên bản trước khi ký.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp <u>và tính hợp lệ của việc biểu quyết tại cuộc họp</u> , trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. <u>Sau thời hạn này, nếu các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến thì coi như đã đồng ý với biên bản.</u> Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi dự thảo biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên Hội đồng quản trị để thống nhất nội dung biên bản trước khi ký.	- Điều chỉnh để gắn việc không có ý kiến đồng nghĩa với việc đồng ý với nội dung Biên bản họp
33	Khoản 3 Điều 20	Điều 19. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị ... 3. Chủ tọa phiên họp là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền trình bày Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực	<u>Điều 20.</u> Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị ... 3. Chủ tọa phiên họp là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền trình bày Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả	- Sửa số thứ tự Điều - Bỏ quy định rõ là bỏ phiếu “kín” vì có thể bỏ phiếu công khai. Ngoài ra bổ sung tham chiếu phương thức bỏ phiếu.

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các công việc khác; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề đang được xem xét tại phiên họp. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.	thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các công việc khác; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề đang được xem xét tại phiên họp. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu <u>theo một hoặc nhiều phương thức quy định tại khoản 9, 10 Điều 18 Quy chế này</u> hoặc giơ tay.	
34	Điều 21	Điều 20. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	<u>Điều 21.</u> Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự Điều
35	Điều 22	Điều 21. Người phụ trách quản trị Công ty	<u>Điều 22.</u> Người phụ trách quản trị Công ty	Sửa số thứ tự Điều
36	Điểm i Khoản 3 Điều 22	3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: ... i) Bảo mật thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này	3. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: ... i) Bảo mật thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ <u>Công ty;</u>	
37	Điểm j Khoản 3 Điều 22	j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.	j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của <u>Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</u>	Điều chỉnh lại để mở rộng phạm vi các văn bản tham chiếu

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
38	Điều 23	Điều 22. Phân cấp cụ thể trong một số lĩnh vực quan trọng	Điều 23. Phân cấp cụ thể trong một số lĩnh vực quan trọng	Sửa số thứ tự Điều
39	Điều 24	Điều 23. Chế độ hội họp và đi công tác	Điều 24. Chế độ hội họp và đi công tác	Sửa số thứ tự Điều
40	Điều 25	Điều 24. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	Điều 25. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự Điều
41	Điều 26	Điều 25. Kinh phí hoạt động Hội đồng quản trị	Điều 26. Kinh phí hoạt động Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự Điều
42	Chương VI	CHƯƠNG IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Sửa số thứ tự chương
43	Điều 27	Điều 26. Nguyên tắc phối hợp công tác	Điều 27. Nguyên tắc phối hợp công tác	Sửa số thứ tự Điều
44	Điều 28	Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự Điều
45	Điều 29	Điều 28. Mối quan hệ với Ban kiểm soát	Điều 29. Mối quan hệ với Ban kiểm soát	Sửa số thứ tự Điều
46	Điều 30	Điều 29. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và Bộ máy giúp việc	Điều 30. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và Bộ máy giúp việc	Sửa số thứ tự Điều
47	Điều 31	Điều 30. Trình báo cáo hằng năm	Điều 31. Trình báo cáo hằng năm	Sửa số thứ tự Điều
48	Điều 32	Điều 31. Công khai lợi ích có liên quan	Điều 32. Công khai các lợi ích có liên quan	- Thêm từ “các” để đồng nhất với Điều 56 DL + QC Mẫu
49	Khoản 1 Điều 32	1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công	1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với	Điều chỉnh để tương đồng với Điều lệ và phạm vi rộng hơn

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		ty. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.	Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát các vấn đề nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 của Điều này.	
50	Khoản 2 Điều 32	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác (gồm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị) của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: ...	2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc, <u>Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng</u> phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: ...	- Điều chỉnh để thống nhất thuật ngữ sử dụng trong văn bản - Các chức danh là Người quản lý Công ty, vì vậy bổ sung trực tiếp “Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng” tại đây
51	Điểm d khoản 3 Điều 32	3. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: ... d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện	3. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: ... d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai	Sửa lỗi thiếu từ

STT	Điều khoản	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Lý do thay đổi
		theo quy định tại của Công ty;	người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty;	
52	Điều 33	Điều 32. Công khai thông tin	Điều 33. Công khai thông tin	Sửa số thứ tự Điều
53	Khoản 2 Điều 33	2. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	2. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và theo quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung để trong trường hợp Công ty thuộc trường hợp do NN nắm giữ trên 50% VDL sẽ phải công khai theo quy định tại điều 109 và 110 Luật Doanh nghiệp tương tự Khoản 3 Điều 69 Điều lệ
54	Điều 34	Điều 33. Hiệu lực thi hành	Điều 34. Hiệu lực thi hành	Sửa số thứ tự Điều
55	Khoản 1 Điều 34	1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn bao gồm 8 chương, 33 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.	1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn bao gồm 8 chương, 34 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 .	Sửa đổi điều theo nội dung sửa đổi/bổ sung mới